

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA: KINH TẾ
NGÀNH: KẾ TOÁN TỔNG HỢP



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRƯỚC THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
HOA VÂN**

Giáo viên hướng dẫn : Huỳnh Thị Trang

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Khóa học : 2020 - 2024

Lớp : 20KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2024.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát chung về DT, CP và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	1
1.1.1. Một số khái niệm về DT, CP và xác định kết quả hoạt động kinh doanh ...	1
a. Nội dung doanh thu	1
b. Nội dung chi phí	1
c. Nội dung kết quả kinh doanh.....	1
1.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác	2
1.2.1. Kế toán doanh thu.....	2
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
a. Nội dung	2
b. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	3
c. Các nội dung liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	3
d. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	4
e. Phương pháp hạch toán	5
1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	5
a. Nội dung	5
b. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	6
c. Phương pháp hạch toán	6
1.2.2. Kế toán thu nhập khác	7
a. Nội dung	7
b. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	8
c. Phương pháp hạch toán	9

1.3. Kế toán chi phí.....	10
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	10
a. Nội dung	10
b. Phương pháp xác định giá xuất kho	10
c. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	11
d. Phương pháp hạch toán	12
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	12
a. Nội dung	12
b. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	13
c. Phương pháp hạch toán	14
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	14
a. Nội dung	14
b. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	15
c. Phương pháp hạch toán	16
1.3.4. Kế toán chi phí khác.....	17
a. Nội dung	17
b. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	17
c. Phương pháp hạch toán	18
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	18
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HOA VÂN	20
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân.....	20
2.1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân	20
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân.....	20

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân.	21
2.1.3.1. Chức năng.....	21
2.1.3.2. Nhiệm vụ	21
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân	21
2.1.4.1. Bộ máy quản lý của công ty	21
2.1.4.2. chức năng, nhiệm vụ	21
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân	22
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán	22
2.1.5.2. Hình thức ghi sổ	23
2.1.5.3. Chế độ, chính sách áp dụng.....	24
2.1.6. Phần mềm kế toán công ty sử dụng.....	25
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.	26
2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.	26
2.2.1.1. Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.....	26
a. Nội dung	26
b. Chứng từ sử dụng	27
c. Sổ sách sử dụng	27
d. Hạch toán doanh thu bán hàng	27
2.2.1.2. Kế toán doanh thu HĐTC tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.....	36
a. Nội dung	36
b. Chứng từ sử dụng	37
c. Sổ sách sử dụng	37
d. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	37

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân	44
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân	48
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	48
a. Nội dung	48
b. Chứng từ sử dụng	48
c. Sổ sách sử dụng	48
d. Hạch toán giá vốn hàng bán	48
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.....	52
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	57
a. Nội dung	57
c. Sổ sách sử dụng	58
d. Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	58
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	66
a. Nội dung	66
b. Chứng từ sử dụng	66
c. Sổ sách sử dụng	67
d. Hạch toán chi phí khác	67
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	70
2.2.3.1. Nội dung	70
2.2.3.2. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HOA VÂN	73
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.....	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Hạn chế.....	74

3.1.2.1. Hạn chế về chính sách bán hàng	74
3.1.2.2. Hạn chế về sổ sách	74
3.1.2.3. Hạn chế về giá vốn hàng bán	76
3.2. Kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	76
3.2.1. Về sổ sách.....	76
3.2.2. Về giá vốn hàng bán.....	78

MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI

Tìm hiểu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa Vân. Đưa ra các giải pháp để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân. Qua việc phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân, đề tài đã đánh giá được những ưu và nhược điểm. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp công ty đưa ra những quyết định tối ưu và có hiệu quả.

KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI

Kết cấu đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
BH và CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BIDV	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chi phí
CPK	Chi phí khác
CPNC	Chi phí nhân công
CPNVL	Chi phí nguyên vật liệu
CPQLKD	Chi phí quản lý kinh doanh
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
CT	Công ty
ĐGL	Đánh giá lại
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
DV	Dịch vụ
GTCL	Giá trị còn lại
GTGT	Giá trị gia tăng
GTHM	Giá trị hao mòn
GVHB	Giá vốn hàng bán
HĐ	Hóa đơn
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐTC	Hoạt động tài chính
HH	Hàng hóa
HMLK	Hao mòn lũy kế
HT	Hình thành

HTK	Hàng tồn kho
KC	Kết chuyển
KH	Khấu hao
KTTT	Kế toán trước thuế
LN	Lợi nhuận
LNT	Lợi nhuận thuần
NPT	Nợ phải trả
NTK	Nhập trong kỳ
PB	Phân bổ
PT	Phát triển
SDCK	Số dư cuối kỳ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TC	Tài chính
TĐK	Tồn đầu kỳ
TH	Trường hợp
TK	Tài khoản
TM và DV	Thương mại và dịch vụ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNK	Thu nhập khác
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
VCB	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
VT	Vật tư
XĐKQ	Xác định kết quả
XĐKQKD	Xác định kết quả kinh doanh

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sự tri ân sâu sắc đối với các thầy cô của trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, đặc biệt là các thầy cô khoa Kinh Tế của trường đã đào tạo và dạy dỗ em trong suốt 4 năm qua. Và em cũng xin chân thành cảm ơn giảng viên Huỳnh Thị Trang đã nhiệt tình hướng dẫn hướng dẫn em hoàn thành tốt khóa thực tập. Trong quá trình thực tập, cũng như trong quá trình làm bài khóa luận tốt nghiệp, khó tránh khỏi có sai sót, rất mong các thầy, cô bỏ qua. Đồng thời do trình độ lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn của em còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô để em học hỏi thêm và rút kinh nghiệm. Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Lý do chọn đề tài

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước các doanh nghiệp luôn được quan tâm khuyến khích đầu tư, phát triển để kịp thời thích ứng với nền kinh tế luôn thách thức và đầy biến động. Muốn tồn tại và phát triển buộc các doanh nghiệp phải nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trong quá trình phát triển của doanh nghiệp không thể thiếu sự đóng góp của kế toán, kế toán có vai trò vô cùng quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Kế toán phân tích và đưa ra định hướng phát triển cũng như tăng lợi nhuận trong lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động. Để xác định và đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thì các bộ phận cấu thành nên nó phải được hạch toán một cách cụ thể và chính xác. Chính vì vậy đối với doanh nghiệp các khâu: bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh luôn được chú trọng và quan tâm hàng đầu. Xác định đúng đắn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là cơ sở xác định chính xác hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà Nước, cơ cấu phân chia và sử dụng lợi nhuận tiêu thụ thu được, giải quyết hài hòa các lợi ích kinh tế của Nhà nước, tập thể và người lao động.

Trong thời gian thực tập tại phòng Kế toán của "Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa Vân" cùng với sự chỉ bảo tận tình của giảng viên hướng dẫn và sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán, em đã chọn đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh".

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về DT, CP và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Một số khái niệm về DT, CP và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

a. Nội dung doanh thu

Theo điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu không bao gồm phần vốn góp thêm của các cổ đông”.

b. Nội dung chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

c. Nội dung kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp, gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

- Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Doanh thu và kết quả kinh doanh mang ý nghĩa sống còn, quyết định đến sự thành bại của công ty, doanh nghiệp. Do đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận rất quan trọng trong cơ cấu bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

Để duy trì được doanh nghiệp, người đứng đầu DN phải đảm bảo hoạt động kinh doanh sẽ đem lại nguồn lợi nhuận và có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo. Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra những quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm đầu tiên của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư. Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng trong doanh nghiệp.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đảm nhiệm các nhiệm vụ như tổng hợp thống kê, tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Chính vì thế, cần đánh giá cao sự chính xác trong các nghiệp vụ của kế toán về chi phí, mang lại độ chính xác cao trong công tác theo dõi kiểm tra, kiểm soát các dòng số liệu của kết quả hoạt động SXKD, tài chính...

Việc đưa ra kết quả đúng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ giúp cho các nhà quản trị thấy được những thuận lợi, hạn chế, và còn sót lại những vấn đề nào cần được giải quyết, từ đó đưa ra các giải pháp để khắc phục, đề ra những phương án giúp cho DN trở nên tốt hơn, đưa ra những chiến lược mới, nâng cao vị trí của DN trong thị trường.

1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.2.1. Kế toán doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nội dung

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu

- ✓ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
 - Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- ✓ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
 - Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Các nội dung liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• Nội dung bán hàng

- Bán hàng là khâu cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp, đây là quá trình chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa người mua và doanh nghiệp thu tiền về hoặc được quyền thu tiền.

- Quá trình bán hàng ở các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng có những đặc điểm chính sau đây:

- + Có sự trao đổi thỏa thuận giữa người mua và người bán, người bán đồng ý bán, người mua đồng ý mua, họ trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền.
- + Có sự thay đổi quyền sở hữu về hàng hóa: Người bán mất quyền sở hữu, người mua có quyền sở hữu về hàng hóa đã mua bán.

Trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, các doanh nghiệp cung cấp cho khách hàng một khối lượng hàng hóa và nhận lại của khách hàng một khoản gọi là doanh thu bán hàng. Số doanh thu này là cơ sở để doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh của mình.

- **Các phương thức bán hàng**

Bán qua kho: Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng.

Bán lẻ hàng hóa: là hình thức mua bán mà sản phẩm được phân phối từ nhà sản xuất/ các nhà bán buôn, hoặc từ các công ty thương mại, sau đó bán lại cho người mua.

- **Các phương thức thanh toán**

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà người mua thanh toán trực tiếp với người bán bằng tiền mặt hoặc hàng đổi hàng. Khi bên bán chuyển giao hàng hóa thì bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp ngay cho bên bán theo giá đã thỏa thuận tại cùng một thời điểm. Phương thức này giảm thiểu được những rủi ro trong thanh toán.

- Phương thức thanh toán qua ngân hàng: Khi bên mua chấp nhận thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng và được ghi trong hóa đơn GTGT với hình thức là chuyển khoản nhưng tại thời điểm đó người mua chưa thanh toán thì kế toán sẽ hạch toán vào sổ vẫn là tài khoản phải thu khách hàng, khi nhận được giấy báo có và sổ phụ của ngân hàng thì kế toán sẽ hạch toán vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.

- Phương thức thanh toán trả chậm hay còn gọi là ghi sổ công nợ: Áp dụng cho khách hàng thường xuyên hoặc những khách hàng đã ký hợp đồng mua hàng với khối lượng lớn. Đến thời hạn thanh toán căn cứ vào hợp đồng mua hàng và căn cứ vào thỏa thuận của 2 bên, khách hàng có thể trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

d. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng :

- Các chứng từ kế toán phản ánh doanh thu gồm: Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, hóa đơn đặc thù, hợp đồng kinh tế, phiếu thu, giấy báo có...

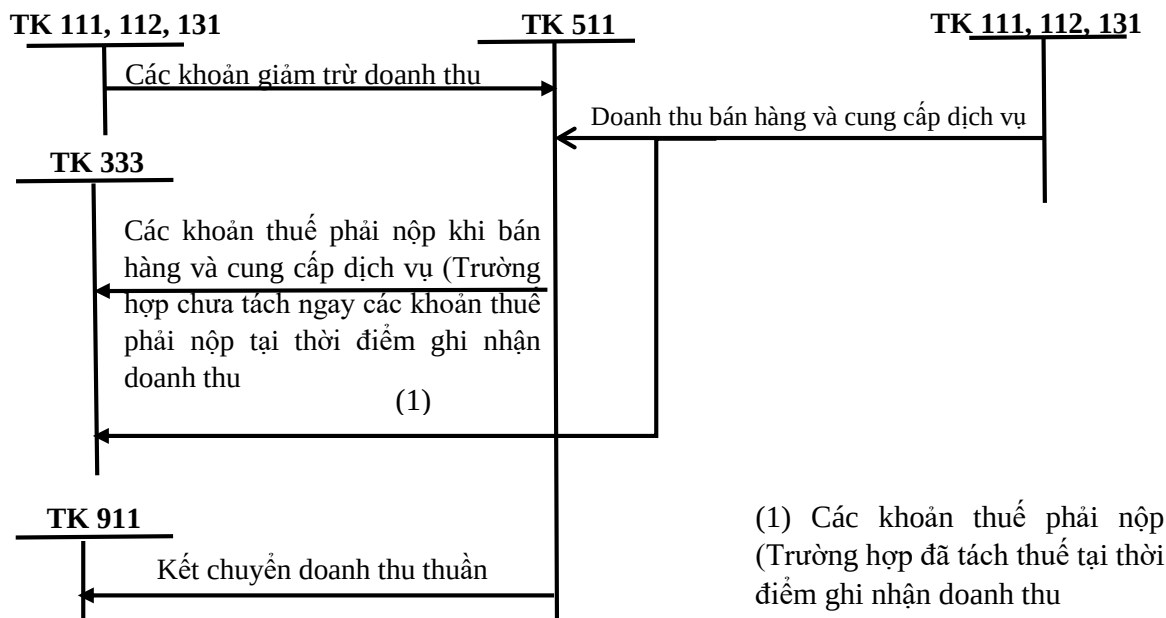
○ Tài khoản sử dụng :

- Để hạch toán doanh thu bán hàng, kế toán sử dụng tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

○ Kết cấu tài khoản

TK 511	
- Các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu (XK) và thuế bảo vệ môi trường (BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "xác định kết quả kinh doanh".	- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã phát sinh trong kỳ kế toán.
TK này không có SDCK	

e. Phương pháp hạch toán



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung

Theo Điều 58 Thông tư 133/2016TT-BTC Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phân ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, bao gồm:

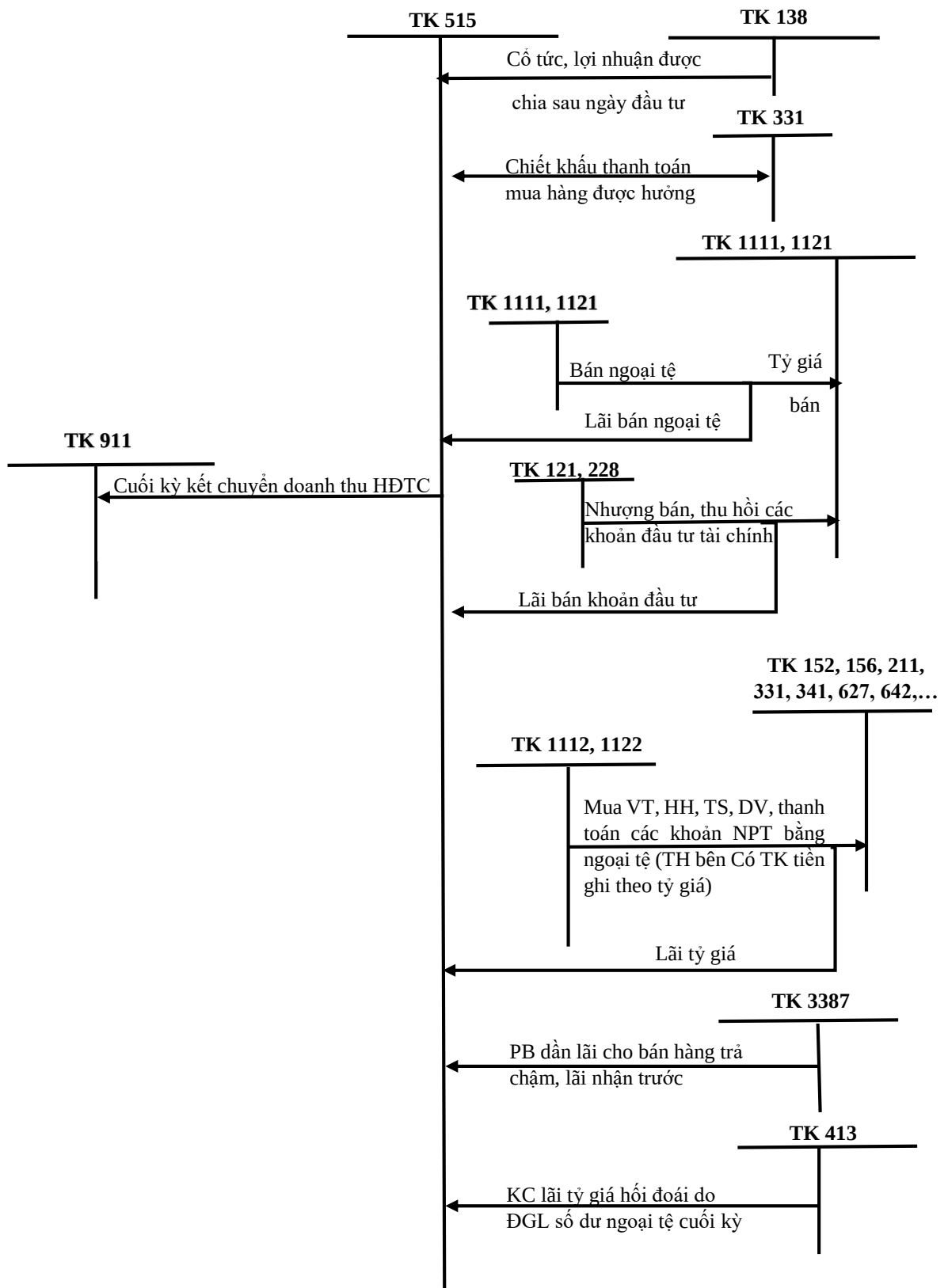
- + Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.
- + Cổ tức lợi nhuận được chia.
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- + Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ:
 - + Giấy báo có, phiếu thu
 - + Sổ phụ ngân hàng
- Tài khoản sử dụng: TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính”
 - Kết cấu TK 515:

TK 515	
- Số thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu HĐTC thuần sang TK 911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính được phát sinh trong kỳ
	
TK này không có SDCK	

c. Phương pháp hạch toán



1.2.2. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung

Theo Điều 65 thông tư 133/2016 TT-BTC Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

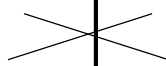
b. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ:
 - HĐ GTGT
 - Giấy báo có
 - Phiếu thu
 - Biên bản nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Tài khoản sử dụng: Theo Điều 65 thông tư 133/2016/TT-BTC: Để phản ánh khoản thu nhập khác kế toán sử dụng TK 711 "Thu nhập khác".

➤ **Kết cấu và nội dung phản ánh TK 711**

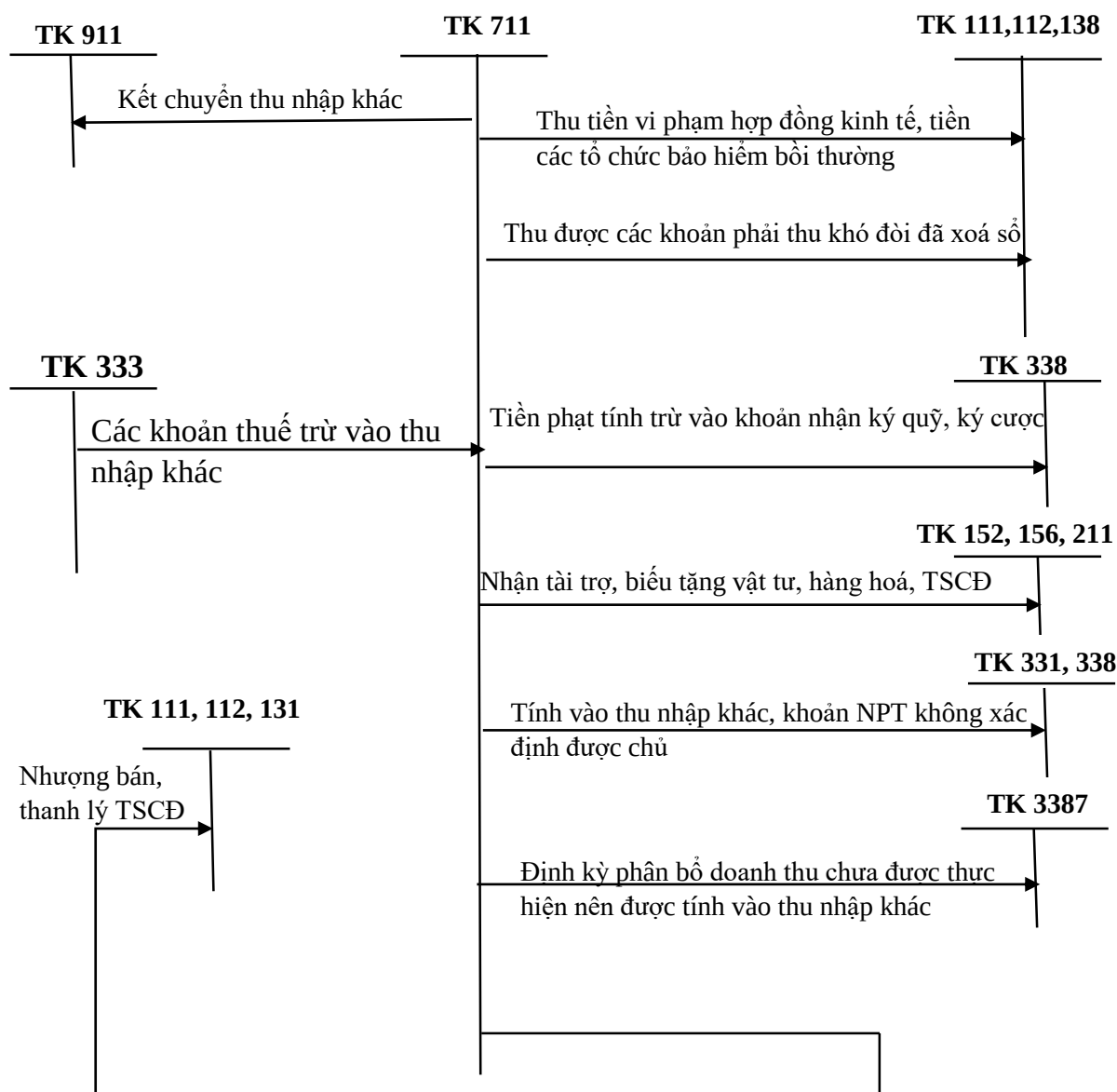
TK 711

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. | <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. |
|---|---|



TK này không có SDCK

c. Phương pháp hạch toán



1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí để tạo ra sản phẩm hay là giá trị của sản phẩm được tiêu thụ trong một kỳ sản xuất cụ thể. Giá vốn hàng bán liên quan đến quá trình bán hàng. Quá trình này bao gồm giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý của doanh nghiệp. Trường hợp quyết định giảm giá khối lượng hàng tồn khi kế toán viên cần thực hiện trích lập dự phòng

b. Phương pháp xác định giá xuất kho

○ **Phương pháp tính theo giá đích danh:** Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

○ **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp, cụ thể:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (bình quân cả kỳ dự trữ): Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ, nhập trong kỳ, để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân HTK} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng i TĐK} + \text{Trị giá thực tế hàng i NTK}}{\text{SL hàng i TĐK} + \text{SL hàng i NTK}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất trong kỳ} = \text{SL tồn kho trong kỳ} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập: Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân HTK } i \text{ sau lần nhập thứ } n = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n + \text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập thứ } n}{\text{SL hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n + \text{SL hàng } i \text{ nhập kho trước lần nhập thứ } n}$$

$$\text{Giá thực tế hàng tồn } i \text{ sau lần nhập } n = \text{SL hàng xuất kho } i \text{ sau xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế hàng } i \text{ sau lần nhập thứ } n$$

○ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):** Theo phương pháp này thì giá trị hàng tồn kho của những hàng hóa được mua vào trước, hoặc sản xuất trước thì sẽ được dùng trước hoặc bán trước và ngược lại những hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là những hàng hóa được mua hoặc sản xuất xong gần thời điểm cuối kỳ. Như vậy trong một kỳ kế toán, giả sử những lần xuất hàng tồn kho đầu tiên thì chúng ta sẽ lấy giá của hàng tồn đầu kỳ và của những lần nhập mới nhất trong kỳ, còn những lần về sau thì lấy giá dần sang những lần nhập sau đó.

c. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng:** phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu chi,...
- **Tài khoản sử dụng:** TK 632 “Giá vốn hàng bán”
 ☞ Kết cấu TK 632

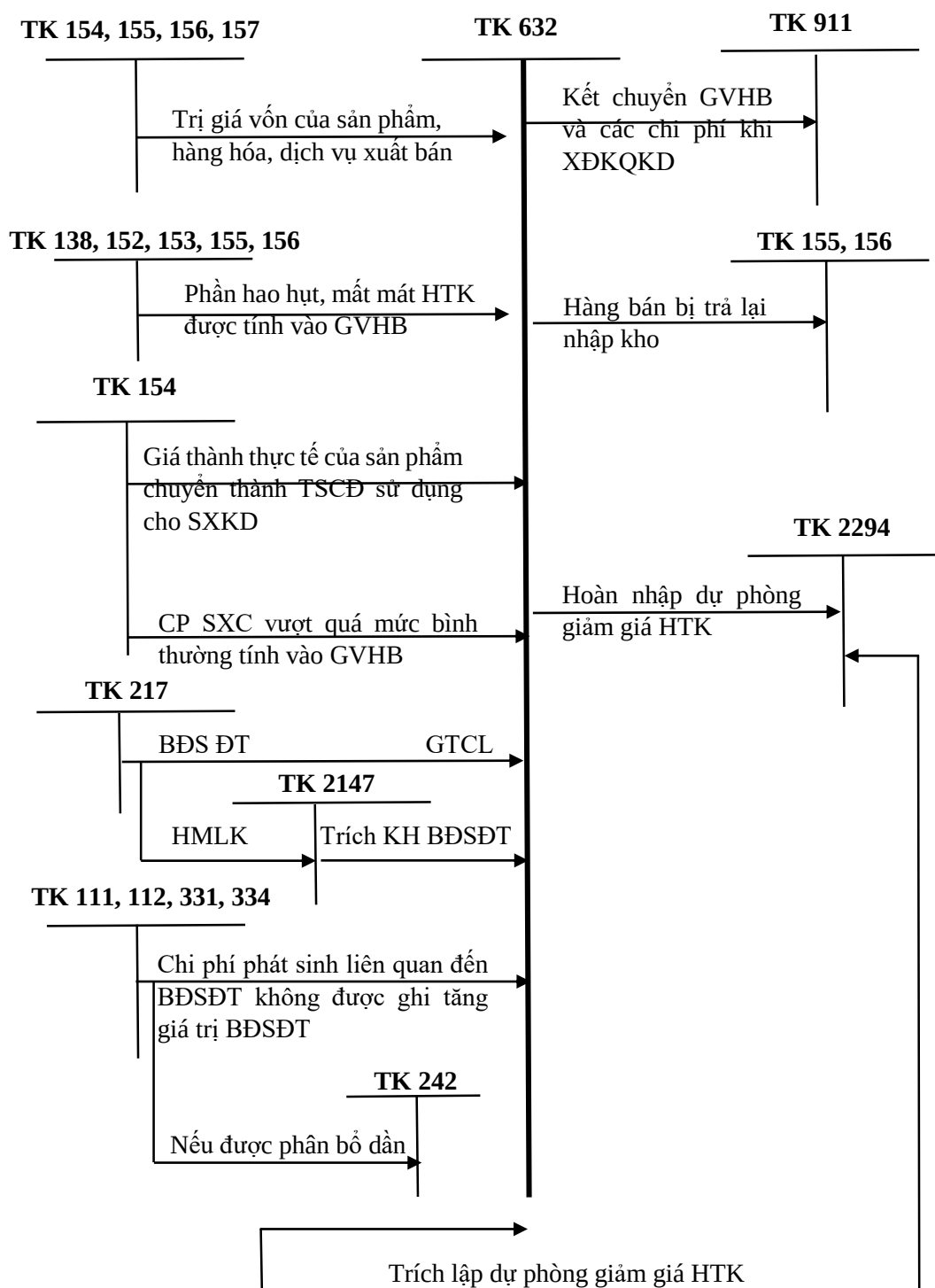
TK 632

- Thể hiện giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Thể hiện CPNVL, CPNC vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào GVHB trong kỳ;
- Thể hiện khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Thể hiện khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết.

- Thể hiện khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12);
- Thể hiện giá vốn của hàng bán bị trả lại;
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

d. Phương pháp hạch toán

○ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:



1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung

Theo Điều 63 Thông tư 133/2016/TT- BTC chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

b. Chứng từ và tài khoản sử dụng

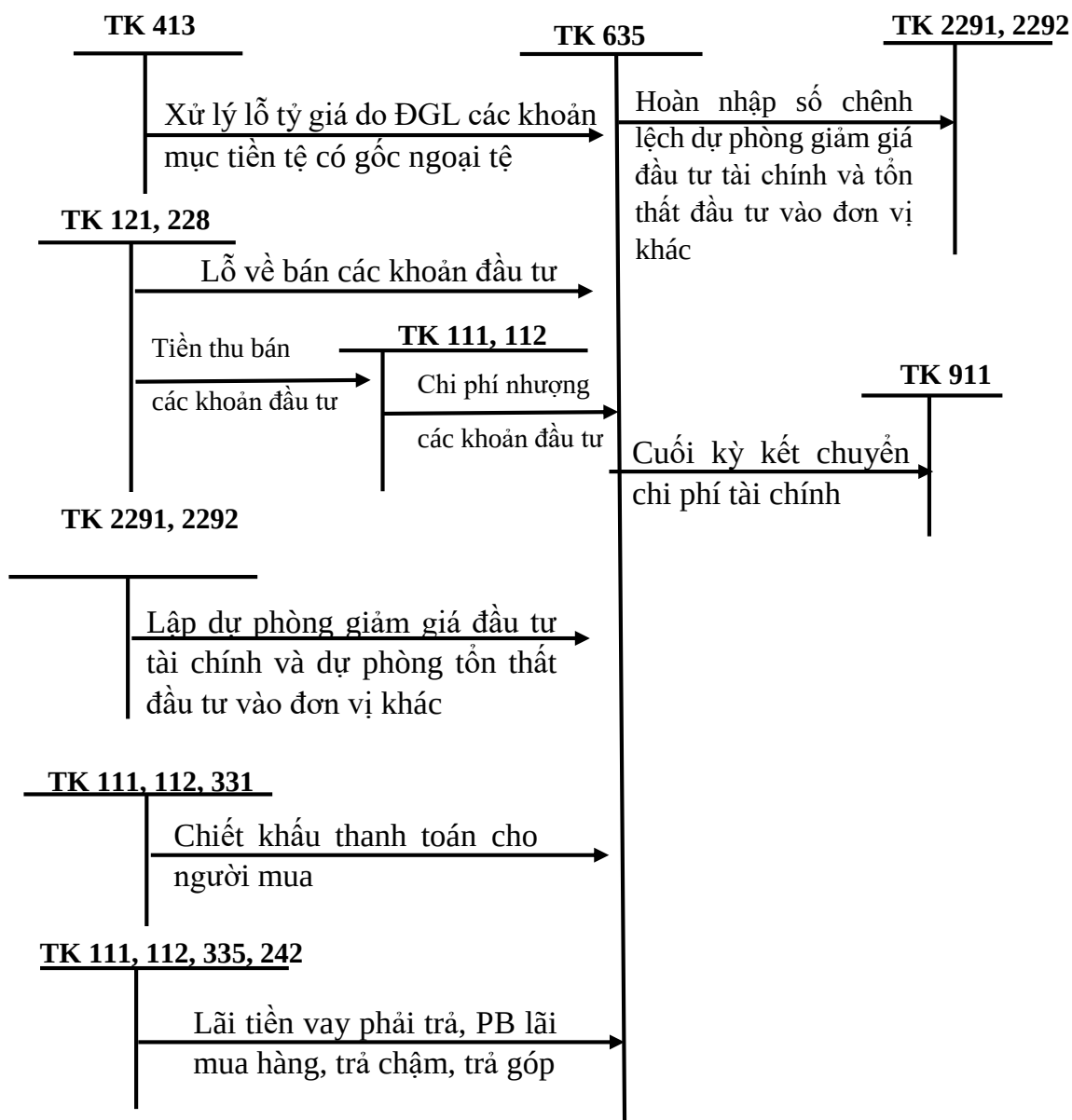
- Chứng từ:
 - + Giấy báo nợ
 - + Phiếu thu
 - + Sổ phụ ngân hàng
 - + Hợp đồng vay
- Tài khoản sử dụng: Theo Điều 63 Thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 "Chi phí tài chính"
 - Kết cấu và nội dung phản ánh TK 635 "Chi phí tài chính"

TK 635 "Chi phí tài chính"

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).	Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để XĐKQKD
---	--

TK này không có SDCK

c. Phương pháp hạch toán



1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung

Theo Điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản

phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, dịch vụ mua ngoài (điện, nước...), chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác.

b. Chứng từ và tài khoản sử dụng

o Chứng từ sử dụng:

- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp
- HĐ GTGT, HĐ bán hàng,...
- Phiếu chi, P XK,...

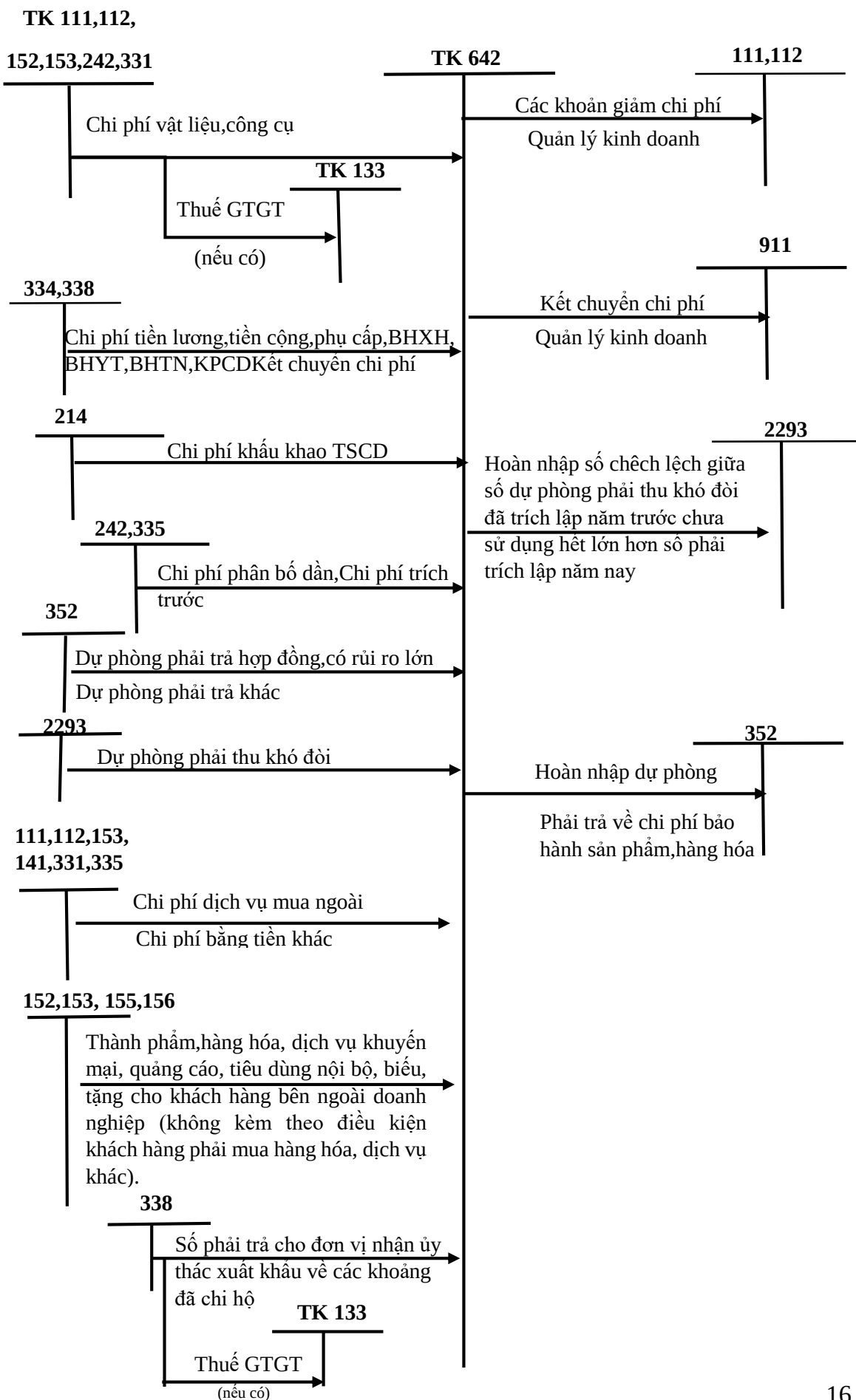
Tài khoản sử dụng: Theo Điều 64 Thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng TK 642 "Chi phí quản lý kinh doanh". Tài khoản này có 2 TK cấp 2 như sau:

- TK 6421: "Chi phí bán hàng"
- TK 6422: "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

➤ Kết cấu tài khoản 642:

TK 642	
- Chi phí kinh doanh phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
	- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

c. Phương pháp hạch toán



1.3.4. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung

Theo điều 66 thông tư 133/2016/TT-BTC chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ và tài khoản sử dụng

o Chứng từ:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Giấy báo nợ
- Giấy phạt của cơ quan Nhà nước

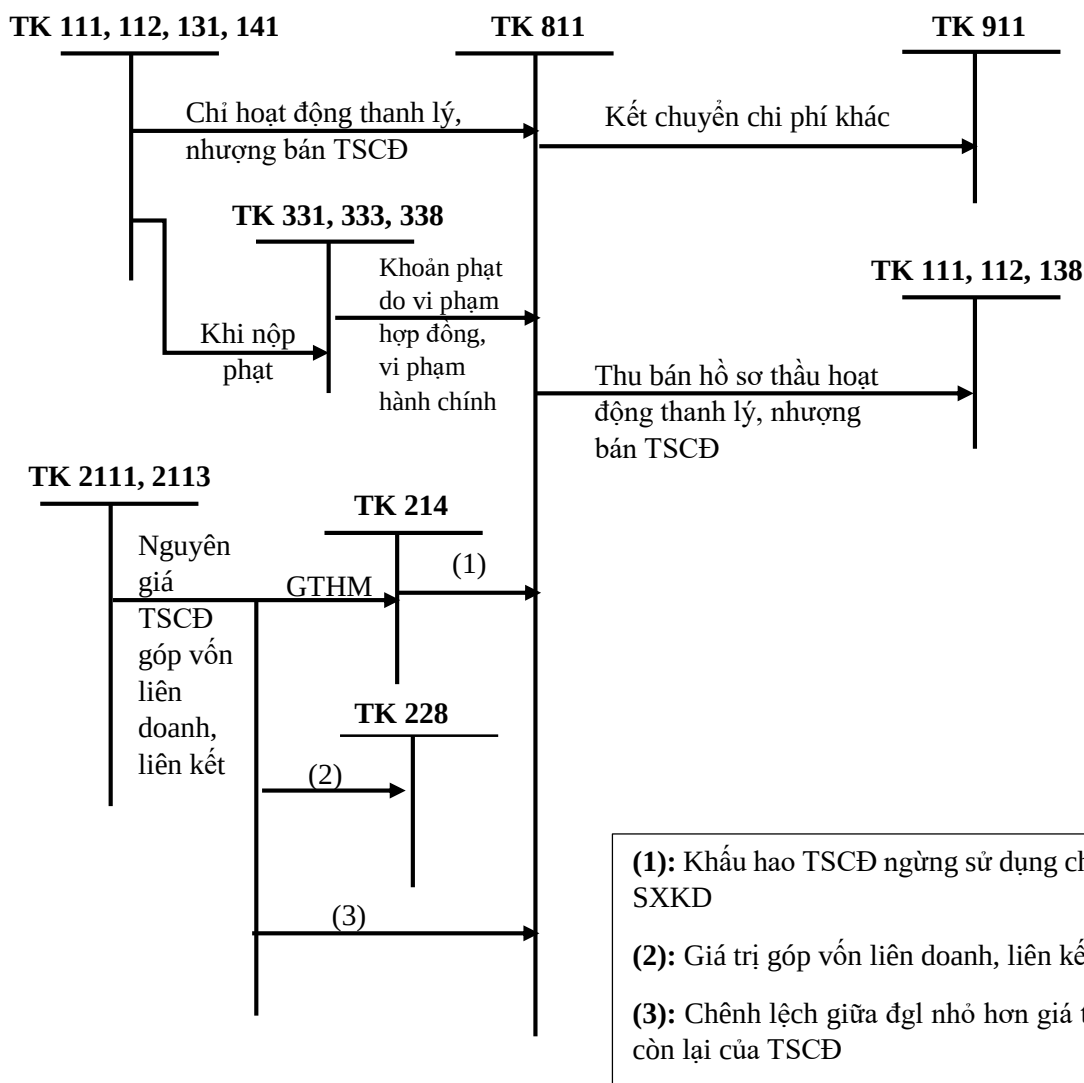
o **Tài khoản sử dụng:** Theo điều 66 thông tư 133/2016/TT-BTC: để phản ánh chi phí hoạt động khác kế toán sử dụng TK 811 “Chi phí khác”.

➤ Kết cấu TK 811

811	
- Các khoản chi phí phát sinh	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định KQKD”

TK này không có SDCK

c. Phương pháp hạch toán



1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Nội dung

Theo Điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC Xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (doanh thu thuần) với giá vốn hàng đã bán (của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh được tính theo công thức sau:

$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Tổng LN KTTT} - \text{chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$

Trong đó:

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{LNT từ HĐKD} + \text{LN khác}$$
$$\text{LNT từ HĐKD} = (\text{DTT về BH và CCDV} - \text{GVHB}) + (\text{DT HĐTC} - \text{CP TC}) - \text{CPQLKD}$$
$$\text{LN khác} = \text{TNK} - \text{CPK}$$

b. Chứng từ, tài khoản sử dụng

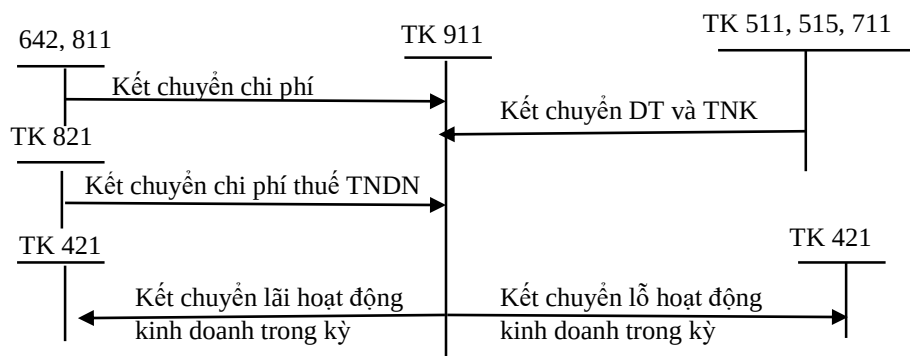
➤ Chứng từ sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản doanh thu
- Sổ cái các tài khoản chi phí

➤ Sổ sách sử dụng

c. Phương pháp hạch toán

TK 632, 635,



CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HOA VÂN

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân

2.1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân

Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân

MST : 0401971048

Loại hình doanh nghiệp : công ty TNHH 2 thành viên trở lên ngoài nhà nước

Tình trạng hoạt động : đang hoạt động

Ngày bắt đầu thành lập : 19/04/2019

Người đại diện pháp luật : Nguyễn Kim Hoàng

Địa chỉ : 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề KD chính : bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
7710	Cho thuê xe có động cơ
4690	Bán buôn tổng hợp
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5224	Bốc xếp hàng hóa
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân

Bước sang thế kỷ 21, thế kỷ của khoa học công nghệ - thông tin, mọi thành tựu khoa học công nghệ được áp dụng vào trong khoa học sản xuất hàng hóa và dịch vụ, năng suất trong sản xuất tăng nhanh, hàng hóa sản xuất ra ngày càng nhiều. Do đó sự cạnh tranh giữa các công ty, các doanh nghiệp ngày càng gay gắt và khốc liệt. Các doanh nghiệp luôn cố gắng, nỗ lực tìm cho mình một vị thế, chỗ đứng trên thị trường, liên tục mở rộng thị phần sản phẩm, nâng cao uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng, có như vậy mới tồn tại và phát triển được. Công ty thương mại và dịch vụ Hoa Vân thành

lập ngày 19 tháng 04 năm 2019, đến nay đã tồn tại trên thị trường gần 5 năm. Là một trong những công ty có uy tín, chuyên kinh doanh các mặt hàng phục vụ cho các công trình xây dựng và nhu cầu tiêu dùng xã hội. Bước chân vào thị trường công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Bằng những bước đi của mình, công ty dần chiếm lĩnh được thị trường, lòng tin của khách hàng.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân.

2.1.3.1. Chức năng

- Tổ chức và thực hiện quá trình lưu thông hàng hóa một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng, đảm bảo thuận tiện cho khách hàng
- Mua bán hàng hóa vào để cung ứng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, đúng chất lượng, số lượng, để luôn đảm bảo nguồn hàng phong phú thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

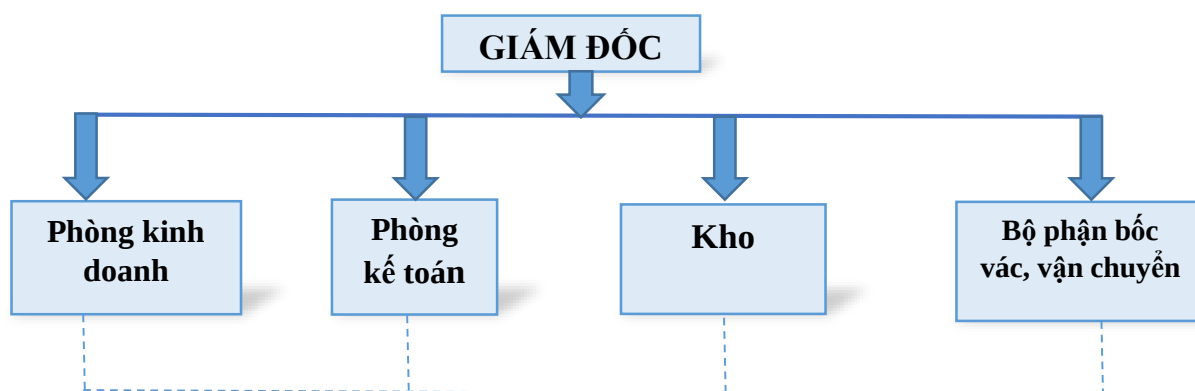
2.1.3.2. Nhiệm vụ

- Công ty kinh doanh dựa trên nguyên tắc Uy tín – Chất lượng – Phát triển bền vững.
- Hoạt động kinh doanh đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Thực hiện đầy đủ các cam kết với khách hàng về sản phẩm, dịch vụ.
- Chấp hành pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân

2.1.4.1. Bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ tổ chức



Ghi chú:

Quan hệ trực tuyến: ➡

Quan hệ phối hợp: - - - - -

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Giám đốc: là người có quyền lực cao nhất và có trách nhiệm chỉ đạo chung về mọi hoạt động của công ty, là người có trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý cấp trên và trước toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Phòng kinh doanh: giúp Giám đốc trong lĩnh vực lên kế hoạch kinh doanh, đề xuất và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh các sản phẩm trên thị trường. Đề xuất các kế hoạch tiếp cận khai thác thị trường. Thực hiện các giao dịch, quan hệ với khách hàng, giới thiệu quảng cáo sản phẩm. Điều tra thu thập thông tin về nhu cầu chất lượng sản phẩm có liên quan đến công ty. Nghiên cứu nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường về nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào. Đánh giá so sánh các sản phẩm, khả năng cạnh tranh của các đối thủ trên thị trường để vận dụng vào điều kiện kinh doanh của công ty. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo yêu cầu của Giám đốc.
- Phòng kế toán: Tham mưu cho giám đốc về xây dựng các kế hoạch tài chính của công ty và quản lý, sử dụng vốn một cách có hiệu quả. Xây dựng các kế hoạch tài chính hàng năm, thực hiện ghi chép sổ sách hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhằm quản lý chặt chẽ tài sản của công ty và cung cấp kịp thời thông tin về tình hình tài chính phục vụ cho các yêu cầu quản lý, đồng thời lập và quản lý các giấy tờ, chứng từ, hóa đơn về công tác tài chính kế toán đúng theo pháp lệnh về kế toán do nhà nước ban hành và thực hiện các công việc do ban lãnh đạo công ty giao.
- Kho: Theo dõi số lượng hàng hóa nhập xuất tồn. Kiểm tra định kỳ số lượng hàng nhập và xuất kho.
- Bộ phận bốc vác, vận chuyển: Chịu trách nhiệm về việc bốc và vận chuyển hàng đến nơi giao cho khách hàng và lấy hàng hóa từ nơi người bán về công ty.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán



Ghi chú:

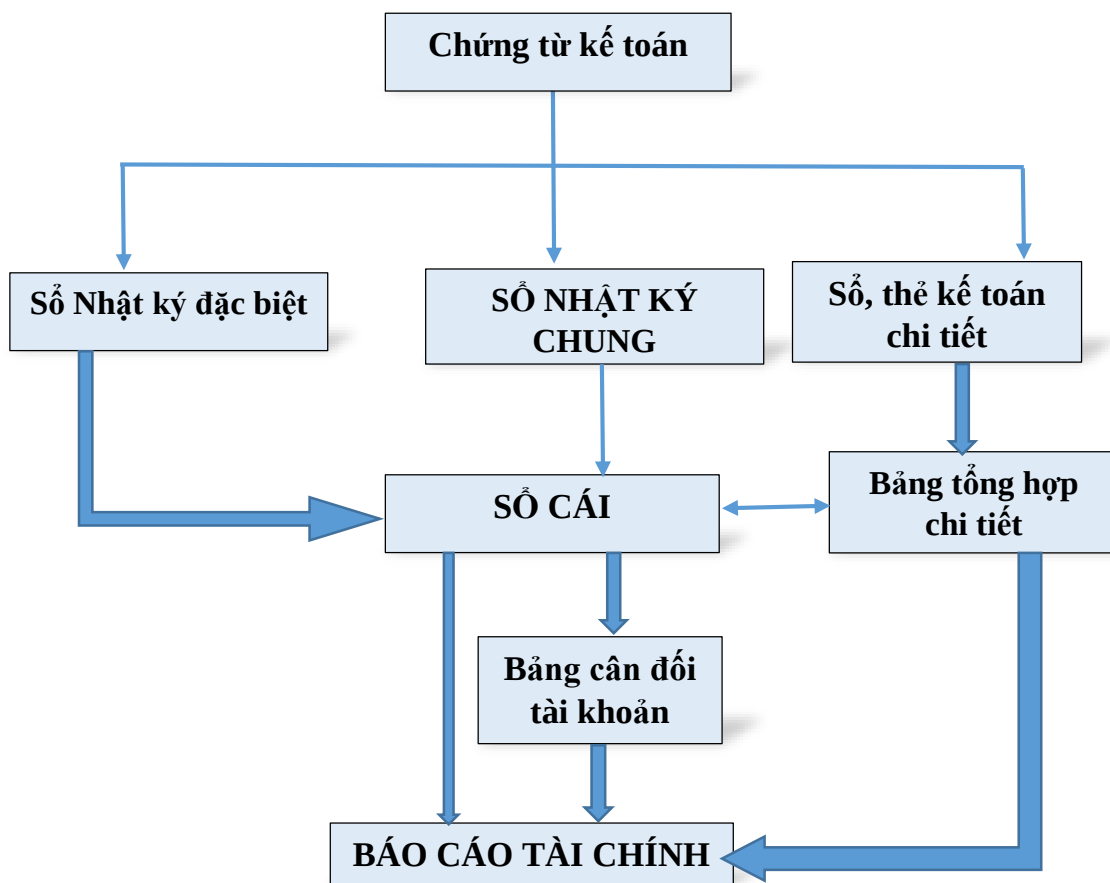
Quan hệ phối hợp: 

- Chức năng, nhiệm vụ
- Kế toán nội bộ: phối hợp với kế toán dịch vụ để cung cấp thông tin, kiểm tra, đối chiếu, và hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc.
 - + Sắp xếp, lưu giữ và bảo quản chứng từ nội bộ.
 - + Thường xuyên làm việc với kho để theo dõi, kiểm tra và nắm tình hình chất lượng cũng như số lượng hàng hóa.
 - + Theo dõi ghi chép tất cả những giao dịch phát sinh liên quan đến hoạt động mua, bán hàng hóa trong kỳ của công ty.

- + Theo dõi và chấm công nhân viên, cuối tháng tiến hành chuyển cho kế toán dịch vụ tính lương, phụ cấp, các khoản bổ sung và các khoản trích theo lương để chi trả tiền lương, tiền công cho nhân viên công ty.
 - + Theo dõi dòng tiền vào, tiền ra của công ty. Lập các báo cáo thu chi hằng ngày của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng để chuyển cho kế toán dịch vụ.
 - + Thực hiện soạn thảo báo giá và hợp đồng bán hàng hóa, dịch vụ.
- Kế toán dịch vụ:
- + Lập hóa đơn, chứng từ, và hạch toán các nghiệp vụ phát sinh lên phần mềm kế toán.
 - + Thiết lập mã quản lý cho nhà cung cấp, khách hàng để tránh nhầm lẫn.
 - + Tính lương cho nhân viên thông qua bảng chấm công của kế toán nội bộ.
 - + Theo dõi công nợ phát sinh trong kỳ, thường xuyên kiểm tra, theo dõi các khoản nợ phải thu của khách hàng để nhắc nhở, đôn đốc khách hàng trả nợ, đảm bảo nguồn vốn không bị chiếm dụng, cùng với đó cũng thường xuyên kiểm tra tình hình các khoản nợ phải trả của công ty để có những chính sách sử dụng vốn hợp lý và trả nợ đúng hạn.
 - + Sắp xếp, lưu giữ và bảo quản chứng từ.
 - + Tư vấn về các quy định pháp luật về thuế, các chính sách và ưu đãi về thuế liên quan đến các hoạt động của công ty.
 - + Lập các báo cáo, quyết toán thuế, báo cáo tài chính doanh nghiệp cuối năm. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác, trung thực của số liệu phát sinh trong báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị của công ty.

2.1.5.2. Hình thức ghi sổ

Hình thức ghi sổ kế toán của đơn vị: Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 

2.1.5.3. Chế độ, chính sách áp dụng

- Chế độ kế toán được công ty áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán được chia: 4 quý/ năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Mẫu báo cáo GTGT: Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT).

Khai báo ban đầu

Đơn vị sử dụng: **Màn hình chứng từ** In ấn Tài khoản mặt định khi nhập CT Dữ liệu Hóa đơn tự in Hệ thống Quản lý kho

Thông tin đơn vị

Mã đơn vị: **HV**

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**

Địa chỉ: **377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận**

Tỉnh thành: **TP.Đà Nẵng** Số điện thoại: **0913407908**

Mã số thuế: **0401971048** Mã chi nhánh:

Giám đốc: **NGUYỄN KIM HOÀNG** Email: **abc@gmail.com**

Kế toán trưởng: Thủ kho:

Kế toán viên: **Nguyễn Thị Phượng** Thủ quỹ:

Nơi mở tài khoản giao dịch:

Số hiệu tài khoản nơi gửi:

Người ký 1 BBKN: Chức vụ:

Người ký 2 BBKN: Chức vụ:

Người ký 3 BBKN: Chức vụ:

Tuỳ chọn in ấn

Mẫu phiếu nhập xu: **Mẫu phiếu chỉ in 1 liên**

☐ Phiếu nhập xuất không in giá tr ☐ BBKN theo ngày

Số dòng tối đa trên phiếu nhập: **25** ☐ Phiếu NX lấy giá bán

Nếu có giá trị = 0 thì chương trình tạo số dòng tự động

Mẫu phiếu thu chi: **Giấy A4 1 liên**

Mẫu bán hàng:

Mẫu BBĐC:

☐ Phiếu bán hàng lấy đơn giá có Thuế

☐ Bảng kê hóa đơn mua lấy Số CT làm ghi chi

☐ Lấy ngày chứng từ gán cho ngày ký bên dưới khi in phiếu

☒ Tắt hộp thoại khai báo này mỗi lần khởi động chương trình

Năm tài chính bắt đầu: **2023**

Thông tin năm này được chương trình sử dụng để kiểm soát thời gian bắt đầu sử dụng của chương trình, và dựa vào thời gian này chương trình không chế chỉ cho phép dữ liệu phát sinh kể từ năm này trở đi.

Báo cáo tài chính theo mẫu: **Thông tư 133/2016/TT-BTC**

Mẫu BC tình hình tài chính:

Quản lý giá vốn bằng phương pháp:

☐ Giá nhập trước xuất trước ☐ Giá từ danh mục hàng hóa

☐ Giá bình quân gia quyền cuối tháng ☐ Giá rỗng, tự gõ bằng tay

☒ Giá bình quân gia quyền theo thời điểm

☐ Giá đích danh

☐ Tắt chức năng điền giá vốn khi nhập phiếu (nhằm CT chạy nhanh)

☒ Bật chức năng điền lại giá vốn cho các phiếu xuất khi kết chuyển

Cách điền đơn giá bán tự động: **Lấy giá chưa VAT từ danh mục**

Chọn mẫu hóa đơn GTGT sử dụng:

☒ Mẫu hóa đơn GTGT của bộ tài chính ☐ Không in thông tin CT

☐ Mẫu hóa đơn đặt in thiết kế riêng

☐ Mẫu hóa bán hàng thông thường có mục VA

☐ Mẫu hóa bán hàng thông thường không có mục VA

☐ Mẫu hóa đơn đặt in thiết kế trên Excel (file HoaDonGTGT.x)

☐ Mẫu hóa đơn tự in file Report..

☐ Hóa đơn điện tử

Số Pixel tăng giảm lề trên: **0** Số Pixel tăng giảm lề trái: **0**

Lưu **Bỏ qua**

2.1.6. Phần mềm kế toán công ty sử dụng

Phần mềm kế toán Trí Việt

TRÍ VIỆT - [Accounting Office 10]

Hệ thống

Kết thúc

TRÍ VIỆT Accounting Office 10

Help trợ trực tuyến

Trial Version : 10.22.0031 **Cấm ơn >>**

In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay Kế toán bán hàng và công nợ phải thu Kế toán mua hàng và công nợ phải trả Kế toán hàng tồn kho Kế toán chi phí và tính giá thành Kế toán tài sản cố định Kế toán tổng hợp Báo cáo thuế GTGT Báo cáo tài chính Hệ thống	Cập nhật số liệu Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	Phiếu thu tiền mặt Phiếu chi tiền mặt Phiếu thu tiền gửi (Giấy bảo có) Phiếu chi tiền gửi (Giấy bảo nợ) Phiếu chi thanh toán tạm ứng Giấy Ủy nhiệm chi

Mã máy: 6110041013

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM, DV HOA VÂN

Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: C:\Users\HP\Downloads\HOA VAN_2023.MD8

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions

Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng

Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh

Website: www.phanmemtriviet.com

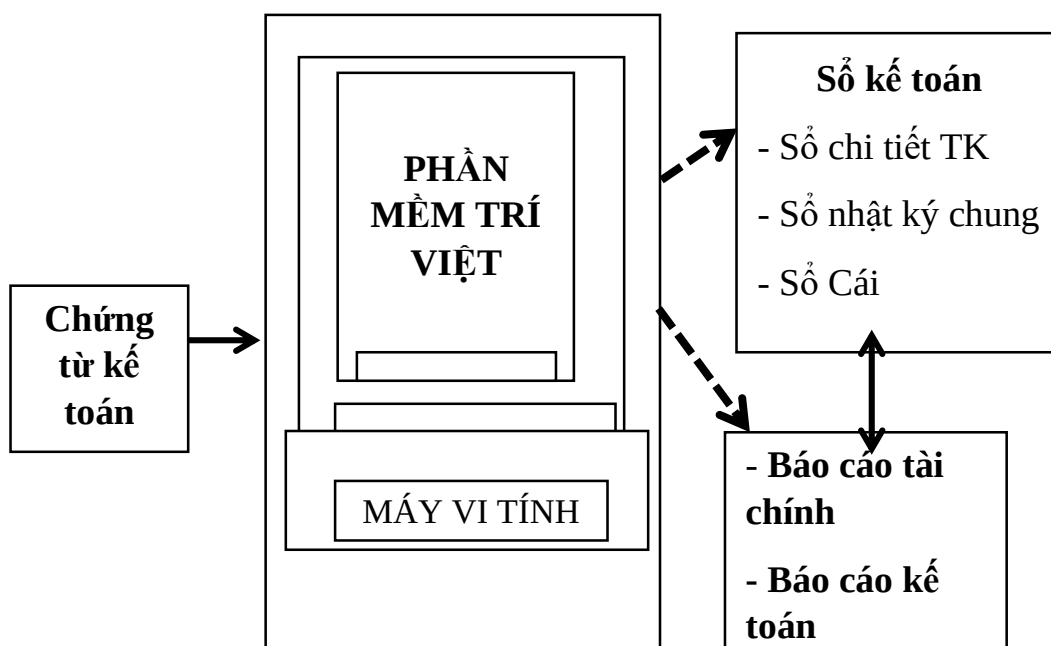
Mail: trinhsoft@gmail.com

Form View

NUM

Giao diện phần mềm kế toán Trí Việt

Trình tự nhập phần mềm kế toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối năm:



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.

2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân

a. Nội dung

- Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân hoạt động trong lĩnh vực buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoa Vân bao gồm doanh thu từ:

- Bán hàng hóa :

+ Hoạt động mua bán gạch men

+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

- Cung cấp dịch vụ: Cho thuê xe nâng hàng

Vì trong năm công ty phát sinh nghiệp vụ bán hàng và nghiệp vụ cung cấp dịch vụ nên sử dụng sổ chi tiết TK 5111 – “Doanh thu bán hàng hóa” và TK 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”. Kế toán hạch toán dựa vào chứng từ gốc đã phát sinh và tiến hành

nhập thông tin vào phần mềm Trí Việt. Dữ liệu sẽ được phần mềm tự động chuyển đến sổ sách kế toán liên quan như sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111 và sổ chi tiết TK 5113, sổ chi tiết về tiền hoặc các công nợ liên quan.

- Các phương thức thanh toán tại công ty:
 - Thanh toán bằng tiền mặt: Đối với hình thức này, sau khi nhận hàng khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt.
 - Thanh toán bằng chuyển khoản: Đối với hình thức này, sau khi nhận hàng khách hàng chuyển khoản tiền vào tài khoản của công ty để thanh toán.
 - Phương thức thanh toán trả chậm hay còn gọi là ghi sổ công nợ: Áp dụng cho khách hàng thường xuyên hoặc những khách hàng đã ký hợp đồng mua hàng với khối lượng lớn. Đến thời hạn thanh toán căn cứ vào hợp đồng mua hàng và căn cứ vào thỏa thuận của 2 bên, khách hàng có thể trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

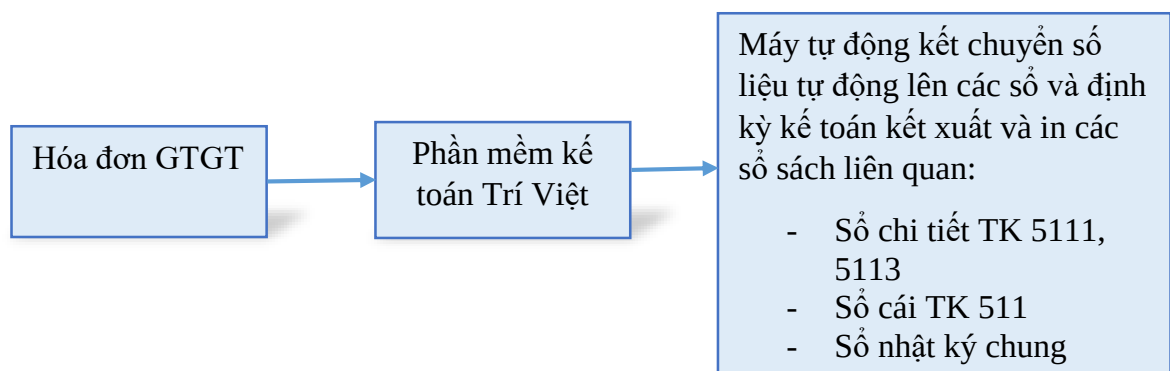
b. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có của ngân hàng

c. Sổ sách sử dụng

- + Sổ cái TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- + Sổ nhật ký chung.
- + Sổ chi tiết tài khoản 511:
 - Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
 - Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

d. Hạch toán doanh thu bán hàng

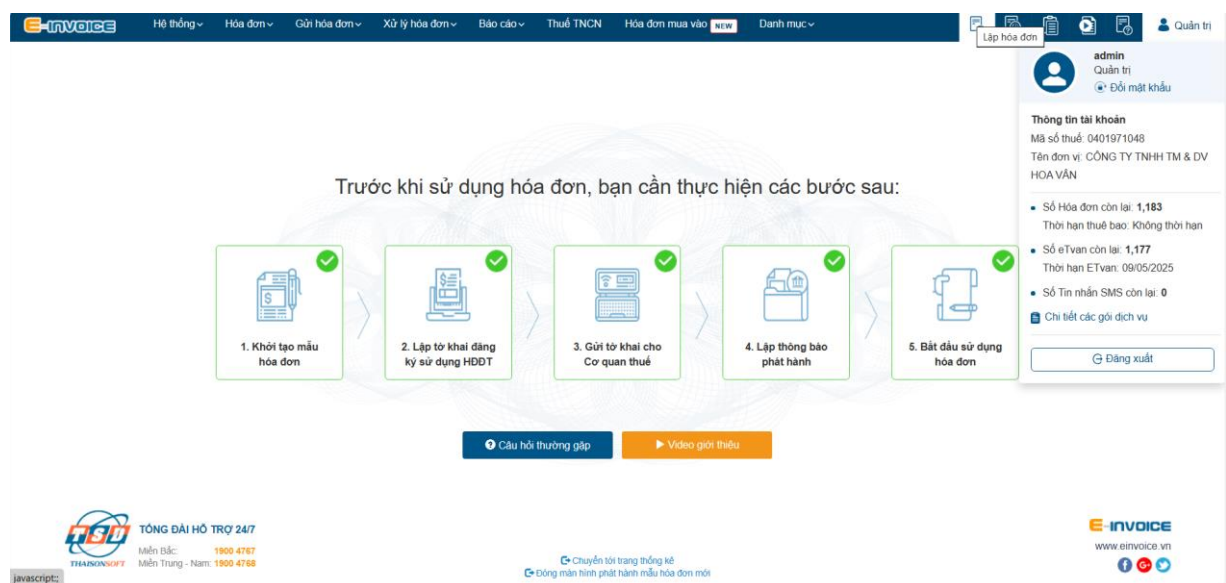


- Trường hợp doanh thu bán hàng hóa:

Nghệp vụ: ngày 18/12/2023 bán 10 thùng gạch 50x50 cho Công Ty TNHH Một thành viên xây dựng thương mại Văn Gia với tổng số tiền phải thu là 1.049.998 VND (đã bao gồm VAT 8%).

Kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm Einvoice. Hóa đơn số 416 được lập theo các bước sau:

☞ Đăng nhập vào phần mềm Điện tử Einvoice :



Giao diện chính phần mềm Einvoice

- ☞ Sau khi bấm đăng nhập, giao diện của phần mềm được thể hiện như hình trên, để lập hóa đơn GTGT mới chọn "Lập hóa đơn"
- ☞ Khi bấm lập hóa đơn xong phần mềm sẽ hiển thị mẫu nhập hóa đơn ta cần tìm. Sau đó điền đầy đủ các thông tin vào hóa đơn, đặc biệt là những thông tin bắt buộc, có chứa dấu hoa thị.
- ☞ Nhập các thông tin về hàng hóa như: Tên hàng hóa, đơn vị, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất. Sau đó, nhấn chọn Ghi.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Ngày 18 tháng 12 năm 2023
(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)
 Mã của CQT: 000D5397617AA8412896C8ED969C424FF0

Ký hiệu: 1C23THV
 Số: **416**

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**
 Mã số thuế : **0401971048**
 Địa chỉ : 377 - 379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại : 0913407908
 Số tài khoản : 5601608825 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - CN Hải Vân
 0041000367800 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng

Người mua hàng:
 Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÂN GIA**
 Mã số thuế: **0305422729**
 Địa chỉ: **87 Nguyễn Thế Truyền, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**
 Hình thức thanh toán: **TM/CK** Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Gạch 50x50	Thùng	10	97.222	972.220
Tổng tiền hàng:					972.220
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 77.778
Tổng tiền thanh toán:					1.049.998
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng					

Người mua hàng
 (Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
 (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

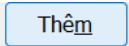
Signature Valid
 Ký bởi: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
 Ký ngày: 18/12/2023

Mã nhận hóa đơn: **EF4BLRR8THH** tra cứu tại: <http://einvoice.vn/tra-cuu>
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quản lý bởi phần mềm EInvoice, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Tài Sơ - MS.T. 0101.300.042 - www.einvoice.vn

HĐ GTGT 416

Căn cứ vào hóa đơn số 416, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán theo trình tự sau:
 Kế toán bán hàng và công nợ phải thu -> Cập nhật số liệu -> Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho.

Điền thời gian và sau đó ấn lọc. Nhấn tổ hợp phím Alt + M để thêm mới hoặc ấn vào  góc dưới bên tay phải của màn hình. Sau đó nhập đầy đủ thông tin và ấn Thêm.

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho : 23-12-529-40394 (F10 xem nhanh hàng tồn kho)

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng	131-VG729	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH	Ngày CT	18/12/2023	Số CT	0000416	Hạn t. toán	0
Họ tên n. mua	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THU		Phương thức TT		PT giao hàng			
Lý do chứng từ	Bán hàng theo HĐ 416		Mã NV quản lý		Chọn giá bán	1. Giá chung		
Địa chỉ	87 Nguyễn Thế Truyền, Phường Tân Sơn Nhì, Quận		Nhân viên Order		Đ. chỉ giao hàng			

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa V	Tiền chưa V	K.m	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK
VT_1708	Gạch lát 500x500 TM đỏ A1	M2	10	97,222	972,220	-	90,000	900,000	131	5111	632

Record: 14

Tính VAT	Xoá VAT	Thêm	☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế	Trạng thái hóa đơn	Chưa phát hành
Ký hiệu	C23THV	Phân bổ	Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT		
Seri hoá đơn	00000416	Tên cơ sở KD	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG T		
Ngày hoá đơn	18/12/2023	Địa chỉ	87 Nguyễn Thế Truyền, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Th		
Loại VAT	8%	Mã số thuế	0305422729	TK n.hàng	
Tiền hàng	972,220	Tên hàng hoá		Tên k. toán	
Tiền VAT	77,778	Ghi chú		☐ Giảm thuế	
		Thuế - Ghi Nợ	131	Ghi Có	33311
				Vụ việc	

Tổng tiền vốn	900,000
Tiền CK	0
Tiền hàng	972,220
Tiền hàng sau CK	972,220
Tiền thuế	77,778
Tổng hoá đơn	1,049,998
Tổng hạch toán	1,049,998

Hàng hóa: VT_1708 / tồn (kho CHÍNH) : 10.00; Chưa thanh toán

[Khóa sổ / Mở sổ](#) [Phiếu thu](#) [Thẻ kho](#) [Khoá DL](#) [Thêm](#) [Xoá](#) [In hoá đơn](#) [Phiếu xuất](#) [Phiếu B.hàng](#) [Phiếu KT](#) [Quay ra](#)

Số liệu sẽ chuyển vào sổ chi tiết, đồng thời phần mềm sẽ tự chiết xuất vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu đến các sổ cái.

- **Trường hợp doanh thu từ cung cấp dịch vụ:** lập hóa đơn điện tử trên phần mềm Einvoice, và cách nhập liệu lên phần mềm kế toán Trí Việt tương tự với trường hợp bán hàng hóa.

Ngày 08/12/2023 công ty cho Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại thành phố Đà Nẵng thuê xe nâng hàng theo hóa đơn số 405 ngày 08/12/2023 với tổng số tiền phải thu là 14.727.273 VND (đã bao gồm VAT 8%).

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Ngày 08 tháng 12 năm 2023
(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)
 Mã của CQT: 0052256447D7ED4D219AD08149A6B1A135

Ký hiệu: 1C23THV
 Số: **405**

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**
 Mã số thuế : **0401971048**
 Địa chỉ : 377 - 379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại : 0913407908
 Số tài khoản : 5601608825 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - CN Hải Vân
 0041000367800 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng

Người mua hàng :
 Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ TAICERA tại thành phố Đà Nẵng
 Mã số thuế: 3600254001-001
 Địa chỉ: 191 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/12/2023- đến 12/01/2024.	Chiếc	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng:					13.636.364
Thuế suất GTGT:		8%	Tiền thuế GTGT:		1.090.909
Tổng tiền thanh toán:					14.727.273
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng					

Người mua hàng
 (Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
 (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid
 Ký bởi: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
 Ký ngày: 08/12/2023

Mã nhận hóa đơn: **EF4BLHIA6LV** tra cứu tại: <http://einvoice.vn/tra-cuu>
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quản lý bán hàng: EInvoice, Công ty TNHH TM & DV HOA VÂN, Địa chỉ: 377 - 379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam - Mã ST: 0101300342 - www.einvoice.vn

HĐ GTGT 405

Từ hóa đơn, kế toán tiến hành nhập liệu lên phần mềm kế toán Trí Việt.

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN	Ngày CI	08/12/2023	Số CT	0000405	Hạn t.toán	0
Họ tên n. mua	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM		Phương thức TT		PT giao hàng			
Lý do chứng từ	Bán hàng theo HĐ 405		Mã NV quản lý		Chọn giá bán	1. Giá chung		
Địa chỉ	191 Điện Biên Phủ, Q Thanh Khê, Tp Đà Nẵng		Nhân viên Order		Đ.chỉ giao hàng			

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Giá chưa \	Tiền chưa VA	K.m	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Cr	TK
VT_1776	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/12/	Chiếc	1	13,636,364	13,636,364	-	0	0	131	5113	632

Tính VAT	Xoá VAT	Thêm	☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế	Trạng thái hóa đơn	Chưa phát hành
Ký hiệu	C23THV		Phân bố	Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT	
Seri hoá đơn	00000405		Tên cơ sở KD	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM	
Ngày hoá đơn	08/12/2023		Địa chỉ	191 Điện Biên Phủ, Q Thanh Khê, Tp Đà Nẵng	
Loại VAT	8%		Mã số thuế	3600254001-001	TK n.hàng
Tiền hàng	13,636,364		Tên hàng hoá		Tên k.toán
Tiền VAT	1,090,909		Ghi chú		☐ Giảm thuế
			Thuế - Ghi Nợ	131	Ghi Có
				33311	Vụ việc

Tổng tiền vốn	0
Tiền CK	0
Tiền hàng	13,636,364
Tiền hàng sau CK	13,636,364
Tiền thuế	1,090,909
Tổng hoá đơn	14,727,273
Tổng hạch toán	14,727,273

Hàng hóa: VT_1776 / tồn (kho CHÍNH) : 0.00; Thanh toán đủ phiếu thu số: PT072 (14,727,273)

Sau khi mua hàng, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Kế toán tiến hành lập phiếu thu tiền mặt trên phần mềm.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ
Điện thoại: 0913407908

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 08 tháng 12 năm 2023

Số: PT072
Nợ: 1111
Có: 131

Họ tên người nộp tiền CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỬ TAICERA TẠI THÀ

Địa chỉ 191 Điện Biên Phủ, Q Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Lý do nộp Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 0000405

Số tiền 14,727,273 đồng

(Viết bằng chữ) Mười bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng

Kèm theo: 0000405 Chứng từ gốc

TP.Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Hoàng

Nguyễn Thị Phụng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Phiếu thu 072

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
.....							
.....							
15/12	0000412	131-TP911	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUỲNH THIÊN PHÚ	Bán hàng theo HĐ 412	131	0	15,696,000
18/12	0000414	131-TP435	Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Trung Phong	Bán hàng theo HĐ 414	131	0	17,784,000
18/12	0000415	131-TN324	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VN TÍN NGUYỄN	Bán hàng theo HĐ 415	131	0	4,320,000
18/12	0000416	131-VG729	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VẠN GIA	Bán hàng theo HĐ 416	131	0	972,220
20/12	0000417	630-TV	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HĐ 417	131	0	7,712,815
20/12	0000417	630-TV	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HĐ 417	131	0	45,156,650
20/12	0000417	630-TV	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HĐ 417	131	0	69,042,600
20/12	0000418	2901538862	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM NA	Bán hàng theo HĐ 418	131	0	9,373,321
26/12	0000419	0400260517	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MINH THÀNH	Bán hàng theo HĐ 419	131	0	40,000,050
28/12	0000420	4201259472	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI PHÚC NT	Bán hàng theo HĐ 420	131	0	14,256,000
28/12	0000420	4201259472	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI PHÚC NT	Bán hàng theo HĐ 420	131	0	175,164,423
28/12	0000421	3000427037	CÔNG TY CP XÂY LẬP – DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LAI	Bán hàng theo HĐ 421	131	0	17,762,000
29/12	422	3000427037	CÔNG TY CP XÂY LẬP – DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LAI	Bán hàng HĐ 422	131	0	17,762,000
29/12	423	131-CT240	CÔNG TY TNHH MINH KHANG CHÂU TUYẾT	Bán hàng HĐ 423	131	0	138,311,680
31/12	KC-000003			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SX	911	1,886,729,322	0
				Tổng cộng phát sinh		7,975,331,703	7,975,331,703
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		36,687,321,502	36,687,321,502
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ Chi tiết TK 5111

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
10/10	000316	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN C	Cung cấp dịch vụ HĐ 316	131	0	13,636,364
31/10	KC-000004			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	13,636,364	0
13/11	372	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN C	Bán hàng HĐ 372	131	0	13,636,364
30/11	KC-000003			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	13,636,364	0
08/12	0000405	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN C	Bán hàng theo HĐ 405	131	0	13,636,364
31/12	KC-000004			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	13,636,364	0
				Tổng cộng phát sinh		40,909,092	40,909,092
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		171,252,306	171,252,306
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ Chi tiết TK 5113

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 Năm 2023

Y GHI	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đa ghi cổ	Số hiệu TK	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
08/12	000019	08/12	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000405				
			Tiền Việt Nam	X	1111	14,727,273	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	14,727,273
18/12	0000416	18/12	Bán hàng theo HĐ 416				
			Phải thu của khách hàng	X	131	1,049,998	0
			Hàng hóa	X	156	0	900,000
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	77,778
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	972,220
			Giá vốn hàng bán	X	632	900,000	0
31/12	THUE	31/12	Khấu trừ thuế GTGT Q4				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	0	641,375,080
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	641,375,080	0
31/12	TNCN	31/12	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	546,418
			Phải trả người lao động	X	334	546,418	0
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biên

Kê toán trưởng

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Nguyễn Thị Phượng

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....					
.....					
08/12	0000404	Bán hàng theo HĐ 404	131	0	83,585,000
08/12	0000405	Bán hàng theo HĐ 405	131	0	13,636,364
09/12	0000406	Bán hàng theo HĐ 406	131	0	8,317,610
09/12	0000407	Bán hàng theo HĐ 407	131	0	3,079,993
09/12	0000408	Bán hàng theo HĐ 408	131	0	97,222
09/12	0000408	Bán hàng theo HĐ 408	131	0	346,667
09/12	0000408	Bán hàng theo HĐ 408	131	0	12,916,615
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	131	0	164,000
.....					
.....					
15/12	0000412	Bán hàng theo HĐ 412	131	0	15,696,000
18/12	0000414	Bán hàng theo HĐ 414	131	0	17,784,000
18/12	0000415	Bán hàng theo HĐ 415	131	0	4,320,000
18/12	0000416	Bán hàng theo HĐ 416	131	0	972,220
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	131	0	7,712,815
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	131	0	45,156,650
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	131	0	69,042,600
20/12	0000418	Bán hàng theo HĐ 418	131	0	9,373,321
26/12	0000419	Bán hàng theo HĐ 419	131	0	40,000,050
28/12	0000420	Bán hàng theo HĐ 420	131	0	14,256,000
28/12	0000420	Bán hàng theo HĐ 420	131	0	175,164,423
28/12	0000421	Bán hàng theo HĐ 421	131	0	17,762,000
29/12	422	Bán hàng HĐ 422	131	0	17,762,000
29/12	423	Bán hàng HĐ 423	131	0	138,311,680
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	1,886,729,322	0
31/12	KC-000004	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	13,636,364	0
		Tổng cộng phát sinh		8,016,240,795	8,016,240,795
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		36,858,573,808	36,858,573,808
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Trích sổ Cái TK 511

2.2.1.2. Kế toán doanh thu HĐTC tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân**a. Nội dung**

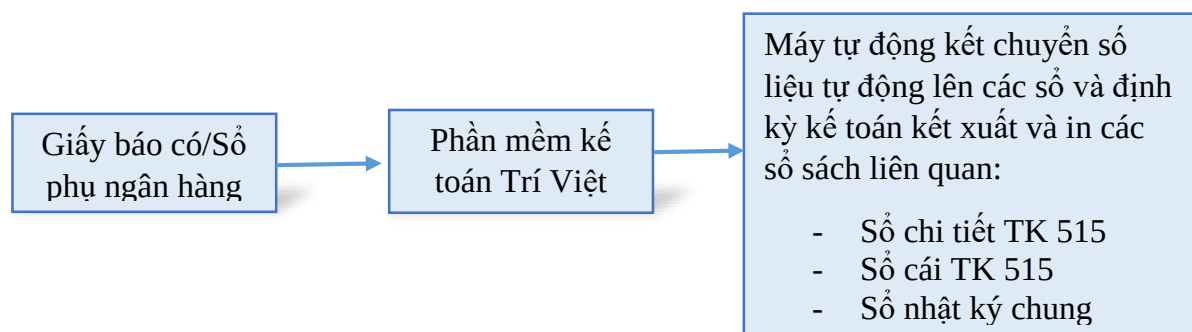
Tại công ty TNHH TM và DV Hoa Vân doanh thu HĐTC phát sinh chủ yếu là nhận chiết khấu thanh toán từ khách hàng và từ lãi tiền gửi ngân hàng.

b. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có/ sổ phụ/ sao kê
- Phiếu thu

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 515
- Sổ cái tài khoản 515

d. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Công ty có 2 tài khoản ngân hàng và mỗi tài khoản ngân hàng sẽ được theo dõi ở hai tài khoản kế toán khác nhau và tương ứng như sau:

- Ngân hàng VCB: TK 11211
- Ngân hàng BIDV: TK 11212
 - **Trường hợp nhận chiết khấu thanh toán từ người bán:**

CN CTY CPHH CN GÔM SỬ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE CO., LTD.

191 Điện Biên Phủ , P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Tel: 02363.561442 - Fax: 02363.582233
Tiếp thị: Trần Phước Hoàng Đức

BẢNG TÍNH CHIẾT KHẤU

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Tháng 7 năm 2023

1- BẢNG LIỆT KẾ TIÊU THỤ

Ngày 銷售日期	Số Hóa Đơn 發票號碼	Mã Hàng 品名編號	Mã màu 批號	S.lg 數量 (Thùng) 箱	S.lg 數量 (Viên) 片	Đơn Giá 單價	Hạn CKTM 現金期限	Hạn T.toán 付款期限	Trị giá H.đơn 發票價值	Trị giá H.đơn sau CK	Thanh toán 付款	CKTM (Trừ VAT) 現金折扣	CKDS (Trừ VAT) 銷售折扣	Đúng hạn 準時付款	Quá hạn 逾期	Còn lại 剩餘
03/07/2023	0000755	G63428	1423-A54	52		357,120	10/07/2023	26/07/2023	18,924,499	18,924,499		17,522,684	17,522,684	18,924,499		
03/07/2023	0000755	G68028	5022-A17- XK2	1		354,240	10/07/2023	26/07/2023								
10/07/2023											18,924,499					
05/07/2023	0000769	G38528	3922-1GC3	2		171,020	12/07/2023	28/07/2023	342,040	342,040		316,704	316,704	342,040		
10/07/2023											342,040					
07/07/2023	0000780	W63035	SAC	4		280,800	14/07/2023	31/07/2023	1,123,200	1,123,200		1,040,000	1,040,000	1,123,200		
10/07/2023											1,123,200					
11/07/2023	0000805	G38528	0123-1GT1	18		174,980	18/07/2023	03/08/2023	3,149,649	3,149,649		2,916,342	2,916,342	3,149,649		
14/07/2023											3,149,649					
12/07/2023	0000816	G49034	3122-1GS1	2		212,480	19/07/2023	04/08/2023	424,961	424,961		393,482	393,482	424,961		
14/07/2023											424,961					
14/07/2023	0000830	G88825J	1623-A02	33		403,200	21/07/2023	07/08/2023	13,305,588	13,305,588				13,305,588		
14/07/2023											13,305,588					
14/07/2023	0000837	G68039	0623-A02- 40T	18		374,400	21/07/2023	07/08/2023	7,113,607	7,113,607		6,586,673	6,586,673	7,113,607		
14/07/2023	0000837	G68088J	1123-A01	1		374,400	21/07/2023	07/08/2023								
14/07/2023											7,113,607					
18/07/2023	0000855	GP63085J	5222-A03	12		331,200	25/07/2023	10/08/2023	3,974,404	3,974,404		3,680,004	3,680,004	1,195,067		
18/07/2023											1,195,067					
18/07/2023	0000857	CHET KHAIU ZUUNO	A1			(7,376,563)	25/07/2023	10/08/2023		(7,376,563)						
24/07/2023	0000889	G63987- PREMIUM	2721-A09	15		374,400	31/07/2023	16/08/2023	5,616,005	5,616,005		5,200,005	5,200,005	1,018,779		
31/07/2023											1,018,779					
25/07/2023	0000901	G38029	1423-1ES2	8		171,020	01/08/2023	17/08/2023	1,368,161	1,368,161		1,266,816	1,266,816	1,368,161		
31/07/2023											1,368,161					
26/07/2023	0000906	G38925ND	3822-1FZ2	30		183,000	02/08/2023	18/08/2023	5,489,986	5,489,986		5,083,320	5,083,320	5,489,986		
31/07/2023											5,489,986					
26/07/2023	0000907	G38925ND	1522-1FS2	65		184,980	02/08/2023	18/08/2023	12,023,716	12,023,716		11,133,070	11,133,070	12,023,716		
31/07/2023											12,023,716					
29/07/2023	0000930	G63818J	1523-A06	13		377,280	05/08/2023	22/08/2023	11,259,841	11,259,841		10,425,779	10,425,779	11,259,841		
29/07/2023	0000930	G63985-S	0223-A34	10		374,400	05/08/2023	22/08/2023								
29/07/2023	0000930	G63987- PREMIUM	2721-A09	4		374,400	05/08/2023	22/08/2023								
29/07/2023	0000930	G88829J	1723-A02-	2		556,800	05/08/2023	22/08/2023								
04/08/2023											11,259,841					
29/07/2023	0000935	GP68845J- LEGACY	2622-A10	63		158,400	05/08/2023	22/08/2023	11,592,028	11,592,028				11,592,028		
29/07/2023	0000935	GP68845J- LEGACY	4120-A05	14		115,200	05/08/2023	22/08/2023								
04/08/2023											11,592,028					
31/07/2023	0000947	G38528	1523-1HB1	7		171,020	07/08/2023	23/08/2023	1,197,141	1,197,141		1,108,464	1,108,464	1,197,141		
04/08/2023											1,197,141					
31/07/2023	0000955	G38628	3022-1NQ0	104		138,600	07/08/2023	23/08/2023	14,414,363	14,414,363				14,414,363		
04/08/2023											14,414,363					
31/07/2023	0000956	G68919	1023-A31- 40T	11		388,800	07/08/2023	23/08/2023	4,276,800	4,276,800		3,960,000	3,960,000	4,276,800		
04/08/2023											4,276,800					
31/07/2023	0000957	G38925ND	3922-1GA2	44		161,040	07/08/2023	23/08/2023	7,085,755	7,085,755				7,085,755		
04/08/2023											7,085,755					
Tổng cộng				533	-				122,681,744	115,305,181	115,305,181	70,633,343	70,633,343	115,305,181	0	0

2- QUYẾT TOÁN CHIẾT KHẤU

STT 次序	Định Mức Doanh Thu 營業定額	Tỷ lệ (%) 比率	Tổng doanh số được hưởng chiết khấu CN+NM	Doanh thu không được tính chiết khấu tại CN	Doanh thu đã trừ chiết khấu tại CN	Doanh Thu Trước Thuế tại CN 營業額(不含稅)	Thành Tiền 金額
1	Doanh số (5-80tr)	4.00	77,194,227			6,560,884	2,825,334
2	Thanh Toán	2.00	77,194,227			70,633,343	1,412,667
	Tổng Cộng						4,238,001

(Bảng chữ: Bốn triệu hai trăm ba mươi tám ngàn không trăm lẻ một đồng)

Giám Đốc
經理

Chủ Quản
主管

Kế Toán
會計

Khách Hàng
客戶

Người Lập Biểu
製表人

Ngày 08 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ DƯ TÀI KHOẢN

Ngày giao dịch Từ ngày: 01/10/2023 Đến ngày: 31/10/2023

Khách hàng: CTY TNHH TM&DV HOA VAN

Mã KH: 14893639

Số tài khoản: 5601608825

Loại tiền: VND

Số tài khoản cũ: 56010001608825

Ngày hiệu lực	Ghi nợ	Ghi có	Số dư	Mô tả
Dư đầu			8,654,923	
.....				
.....				
24/10/2023 17:01:45	76,096,000	0	16,123,625	Thu no GOC TK228036
25/10/2023 00:49:54	0	18,028	16,141,653	Thanh toán lại tháng 10/2023
25/10/2023 15:36:10	0	80,000,000	96,141,653	TKThe :853989358, tại ACB: HUANG KHANG THANH TOAN-251023-15:36:09 227739 -CTLNHIDI000006114075254-1/1-CPE-003
25/10/2023 16:49:54	0	505,000,000	601,141,653	REM 9901CI231025000062757 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS-REF/202310252010011001054101203 003 MBBIZ6007556370.IBPS.CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN
25/10/2023 17:02:51	600,000,000	0	1,141,653	TRA GOC TK VAY 408000228036
26/10/2023 10:04:12	0	1,000,000	2,141,653	REM 9901CI231026000017115 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS-REF/202310261010011000499801203 002 MBBIZ6007569176.IBPS.CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN
26/10/2023 10:17:47	308,000	0	1,833,653	REF560A23A17BX6W91F B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CONG TY CP CONG NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NHH48203001 CONG TY HOA VAN
28/10/2023 13:39:04	0	92,256,059	94,089,712	TKThe :59003/0348, tại MB: Trung Nguyen Hoa van -CTLNHIDI000006144859234-1/1-CPE-003
30/10/2023 16:27:32	0	81,250,000	175,339,712	TKThe :853989358, tại ACB: HUANG KHANG THANH TOAN-301023-16:27:30 590847 -CTLNHIDI000006166338733-1/1-CPE-003
31/10/2023 08:40:28	0	22,453,148	197,792,860	TKThe :2001201098703, tại VBAAVNXX. CONG TY TNHH THUONG Mai Va Dich Vu L.T.M -B2B020097040510310840282023K7
31/10/2023 17:31:05	195,000,000	0	2,792,860	Thu no 228036
Cộng phát sinh	4,588,728,507	4,582,866,444		
Dư cuối ngày			2,792,860	

Báo cáo được in từ chương trình BIDV iBank bởi user: 14893639VANHX

Xem bảng sao kê giấy ở phụ lục số 2 dòng số 56 trang 87.

**GIẤY BÁO CÓ
CREDIT ADVICE**

Ngày/Date: 25/10/2023
CIF: 14893639
Seq: 96

Chi nhánh/ Branch: **CN HAI VAN**
Tên tài khoản/ Account Name: **CTY TNHH TM&DV HOA VAN**
Địa chỉ/ Address: **377 379 NGUYEN PHUOC LAN HOA XUAN CAM LE /,DA NANG**
Số tài khoản/ Account No: **5601608825**
(Số tài khoản cũ / Old Account No: 56010001608825)

Kính gửi/ To **CTY TNHH TM&DV HOA VAN**

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi CÓ với nội dung sau:
Please note that we have today CREDITED your account with the following entries:

Ngày hiệu lực Effective Date	Ngày giao dịch Trans Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn. Description	Giao dịch viên Teller
25/10/2023	25/10/2023 00:49:54	18,028.00	VND	Thanh toán lãi tháng 10/2023	

Người tạo 88352

Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống In sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay -> Cập nhật số liệu -> Phiếu thu tiền gửi (giấy báo có). Ấn tổ hợp phím Alt + M để thêm mới, hoặc ấn Sau đó tiến hành điền đầy đủ các thông tin và kích chuột vào .

Phiếu Thu Tiền Gửi

Kiểu giao dịch:

Khách hàng: Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM Người nộp tiền: Ngày CT: 25/10/2023
Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: 0000013
Lý do chứng từ: CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
11212	515	18.028	Lãi tiền gửi		

Record: 1 of 1

Tổng hạch toán: 18.028

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình minh họa

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
25/10	0000013	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Lãi tiền gửi	11212	0	18,028
25/10	0000035	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Lãi tiền gửi	11211	0	7,938
30/10	CKTT	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	Chiết khấu thanh toán T7/2023	331	0	1,412,667
31/10	KC-000005			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,438,633	0
21/11	CKTT	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	Chiết khấu thanh toán T8+9/2023	331	0	1,022,208
25/11	000014	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Lãi tiền gửi	11212	0	12,151
25/11	000030	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Lãi tiền gửi	11211	0	18,842
30/11	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,053,201	0
25/12	000024	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Lãi tiền gửi	11212	0	14,961
27/12	CTTT	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	Chiết khấu thanh toán T10	331	0	884,371
31/12	000014	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Lãi tiền gửi	11211	0	18,760
31/12	KC-000005			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	918,092	0
				Tổng cộng phát sinh		3,409,926	3,409,926
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		10,616,462	10,616,462
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ Chi tiết TK 515

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 Năm 2023

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....							
.....							
24/10	346	24/10	Bán hàng HĐ 346				
			Phải thu của khách hàng	X	131	19,584,029	0
			Hàng hóa	X	156	0	18,133,333
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	1,450,669
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	18,133,360
			Giá vốn hàng bán	X	632	18,133,333	0
25/10	0000013	25/10	Lãi tiền gửi				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212	18,028	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	18,028
25/10	0000014	25/10	Chi nộp tiền vào ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	50,000,000
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211	50,000,000	0
.....							
.....							
30/10	0008182	30/10	Nhập hàng theo HĐ 00008182				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	4,707,200	0
			Hàng hóa	X	156	58,840,000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	63,547,200
30/10	CKTT	30/10	Chiết khấu thanh toán T7/2023				
			Phải trả cho người bán	X	331	1,412,667	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	1,412,667
.....							
.....							
31/12	TNCN	31/12	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	546,418
			Phải trả người lao động	X	334	546,418	0
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Nguyễn Thị Phượng

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
25/10	0000013	Lãi tiền gửi	11212	0	18,028
25/10	0000035	Lãi tiền gửi	11211	0	7,938
30/10	CKTT	Chiết khấu thanh toán T7/2023	331	0	1,412,667
31/10	KC-000005	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,438,633	0
21/11	CKTT	Chiết khấu thanh toán T8+9/2023	331	0	1,022,208
25/11	000014	Lãi tiền gửi	11212	0	12,151
25/11	000030	Lãi tiền gửi	11211	0	18,842
30/11	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,053,201	0
25/12	000024	Lãi tiền gửi	11212	0	14,961
27/12	CTTT	Chiết khấu thanh toán T10	331	0	884,371
31/12	000014	Lãi tiền gửi	11211	0	18,760
31/12	KC-000005	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	918,092	0
		Tổng cộng phát sinh		3,409,926	3,409,926
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		10,616,462	10,616,462
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Trích sổ Cái TK 515

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân

- Đặc điểm chung: hoạt động thu nhập khác tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân chủ yếu là từ các mặt hàng được khuyến mãi, biếu/ tặng.
- Chứng từ sử dụng: HĐ GTGT.
- Sổ sách và tài khoản sử dụng :
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 711
- Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”.
 - Nghiệp vụ: Ngày 12/12/2023, được Công ty Cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Thành phố Đà Nẵng khuyến mãi cho công ty 240 thùng gạch P87625N 1523-A80 theo HĐ 9346 với tổng tiền là 89.856.000, thuế suất 8%.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C23TCR
Số: 9346

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 12 tháng 12 năm 2023

MCCQT: 001E09752DBD3742F0AB7465FC497C40E3

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA
Mã số thuế: 3600254001
Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP GÒ DẦU - XÃ PHƯỚC THÁI - HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI - VIỆT NAM
Điện thoại: (0251) 3841-596
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Họ tên người mua:
Mã số thuế: 0401971048
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Không thu tiền
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	GACH P87625N 1523-A80	THÙNG	240	346.666,67	0	8%	83.200.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	83.200.000
8%	83.200.000	6.656.000	Tổng giảm trừ không chịu thuế	
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	6.656.000
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng giảm trừ khác	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	89.856.000
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Tám mươi chín triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ

Kế toán căn cứ vào hóa đơn 9346, kế toán sẽ đưa số gạch này nhập kho, kế toán hạch toán vào phần mềm như sau: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả -> Cập nhật số liệu -> Phiếu nhập hàng mua.

Phiếu Nhập Mua : 23-12-511-40312 (F10 xem nhanh hàng tồn kho)

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: **331-GS00** **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA** Ngày CT: **12/12/2023** Số CT: **0009346** Hạn t. toán: **0**

Họ tên: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA** Nhân viên QL:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA** Nhân viên Order:

Địa chỉ: **KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, T** Phương thức TT:

Lý do chứng từ: **Nhập hàng theo HD 00009346**

Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải
VT_1392	GẠCH P87625N 1523-A80	THÙNG	240	346,667	83,200,000	156	711	Nhập hàng theo HD 00009346
						156	711	

Record: 1 of 1

Tính VAT ☐ Xóa VAT ☐ Thêm ☐ ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☐ Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành

Ký hiệu: C23TCR Phân bổ: Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT

Seri hoá đơn: 0009346 Tên cơ sở KD: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA

Ngày hoá đơn: 12/12/2023 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Loại VAT: 0 Mã số thuế: 3600254001 TK n. hàng:

Tiền hàng: **83,200,000** Tên hàng hoá: Tên k. toán:

Tiền VAT: **0** Ghi chú: ☐ Giảm thuế

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 711 Vụ việc:

Tiền chiết khấu: **0**

Tiền hàng: **83,200,000**

Tiền thuế: **0**

Tổng hoá đơn: **83,200,000**

Tổng hạch toán: **83,200,000**

Hàng hóa: VT_1392 / tồn (kho CHÍNH) : 0.00

Khoá số / Mở số ☐ Phiếu chi ☐ Thẻ kho ☐ Khoá DL ☐ Thêm ☐ Xóa phiếu ☐ Phiếu nhập ☐ Phiếu xuất ☐ Phiếu VC ☐ Phiếu KT ☐ Quay ra

Record: 1 of 1

Hình ảnh minh họa

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
10/10	TTCN	131-GM013	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN GAMA	Tất toán công nợ	131	0	115
31/10	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	115	0
12/12	0009346	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA	Nhập hàng theo HD 00009346	156	0	83,200,000
13/12	0009377	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA	Nhập hàng theo HD 00009377	156	0	4,760,000
13/12	0009377	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA	Nhập hàng theo HD 00009377	156	0	27,426,667
13/12	0009377	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỨ TAICERA	Nhập hàng theo HD 00009377	156	0	51,146,667
31/12	000001	131-KH112	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI HƯNG	Tất toán công nợ	131	0	184
31/12	CN	131-CT240	CÔNG TY TNHH MINH KHANG CHÁU TUYẾT	Tất toán công nợ	131	0	346
31/12	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	166,533,864	0
				Tổng cộng phát sinh		166,533,979	166,533,979
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		198,086,169	198,086,169
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TP. Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phượng

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ chi tiết TK 711

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 Năm 2023

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cải	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
....							
....							
....							
12/12	0009346	12/12	Nhập hàng theo HD 00009346				
			Hàng hóa	X	156	83,200,000	0
			Thu nhập khác	X	711	0	83,200,000
12/12	0009352	12/12	Nhập hàng theo HD 00009352				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	3,626,667	0
			Hàng hóa	X	156	45,333,333	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	48,960,000
12/12	148401	12/12	Chuyển nội bộ				
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk 0041000367800)	X	11211	0	43,000,000
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk 56010001608825)	X	11212	43,000,000	0
12/12	148410	12/12	Trả gốc				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk 56010001608825)	X	11212	0	380,000,000
			Các khoản đi vay BIDV	X	34111	380,000,000	0
12/12	605839	12/12	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 0000505				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	14,850,000
			Phải trả cho người bán	X	331	14,850,000	0
13/12	0000245	13/12	Nhập hàng theo HD 245				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	72,000	0
			Hàng hóa	X	156	900,000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	972,000
....							
....							
....							
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Nguyễn Thị Phụng

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ nhật ký chung

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
10/10	TTCN	Tất toán công nợ	131	0	115
31/10	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	115	0
12/12	0009346	Nhập hàng theo HĐ 00009346	156	0	83,200,000
13/12	0009377	Nhập hàng theo HĐ 00009377	156	0	4,760,000
13/12	0009377	Nhập hàng theo HĐ 00009377	156	0	27,426,667
13/12	0009377	Nhập hàng theo HĐ 00009377	156	0	51,146,667
31/12	000001	Tất toán công nợ	131	0	184
31/12	CN	Tất toán công nợ	131	0	346
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	166,533,864	0
		Tổng cộng phát sinh		166,533,979	166,533,979
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		198,086,169	198,086,169
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Trích sổ cái TK 711

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH TM và DV Hoa Vân

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung

Công ty hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên và sử dụng phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập để xác định giá xuất kho hàng hóa. Theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập hàng, phần mềm sẽ tự chạy lại giá.

b. Chứng từ sử dụng

- HĐ GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 632

d. Hạch toán giá vốn hàng bán

- Trường hợp giá vốn hàng hóa:

Ngày 18/12/2023 bán hàng cho Công Ty TNHH Một thành viên xây dựng thương mại Văn Gia theo hóa đơn số 416 ngày 18/12/2023 với tổng số tiền phải thu là 1.049.998 đồng (đã bao gồm VAT 8%). Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán hạch toán lên phần mềm và phần mềm sẽ tự động cập nhật giá vốn của hàng bán ra.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 Số: 0000416

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA

Địa chỉ (bộ phận): 87 Nguyễn Thế Truyen, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Lý do xuất kho: Bán hàng theo HĐ 416

Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch lát 500x500 TM đo A1	M2	10	90,000	900,000
Cộng tiền hàng					900,000

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Chín trăm ngàn đồng

TP.Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phượng

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Hoàng

Xuất kho bán hàng theo HĐ 416

- Trường hợp giá vốn dịch vụ cho thuê xe nâng:**

Đối với kế toán giá vốn dịch vụ của hoạt động cho thuê xe nâng hàng: Công ty không hạch toán giá vốn của hoạt động cho thuê xe nâng hàng. Chiếc xe này được công ty mua cũ lại với giá là 18.055.556đ (< 30.000.000đ) nên công ty không ghi nhận chiếc xe này vào tài sản cố định (TK 211), công ty đưa giá trị chiếc xe này vào TK 2422 (chi phí trả trước dài hạn). Vì xe nâng dùng chung cho hoạt động bán hàng và cho thuê, nên toàn bộ chi phí của hoạt động cung ứng dịch vụ cho thuê xe đưa vào chi phí bán hàng TK 6421 (chi phí bán hàng). (Xem hạch toán chi phí bán hàng trình bày ở phía dưới; bảng phân bổ chi phí ở phụ lục số 1 trang 83).

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/T
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
.....							
.....							
12/12	0000409	131-MI816	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MIA	Bán hàng theo HĐ 409	156	26,133,333	0
12/12	0000409	131-MI816	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MIA	Bán hàng theo HĐ 409	156	27,400,000	0
12/12	0000409	131-MI816	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MIA	Bán hàng theo HĐ 409	156	65,333,333	0
13/12	0000410	131-HT770	CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH	Bán hàng theo HĐ 410	156	40,000,000	0
14/12	0000411	0401943812	CÔNG TY TNHH THUẬN PHÚ TÀI	Bán hàng theo HĐ 411	156	9,288,000	0
15/12	0000412	131-TP911	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HUỖNH THIÊN PHÚ	Bán hàng theo HĐ 412	156	15,360,000	0
18/12	0000414	131-TP435	Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Trung Phong	Bán hàng theo HĐ 414	156	17,749,333	0
18/12	0000415	131-TN324	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VN TÍN NGUYỄN	Bán hàng theo HĐ 415	156	4,241,455	0
18/12	0000416	131-VG729	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA	Bán hàng theo HĐ 416	156	900,000	0
20/12	0000417	630-TV	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HĐ 417	156	6,150,833	0
20/12	0000417	630-TV	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HĐ 417	156	41,847,685	0
20/12	0000417	630-TV	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HĐ 417	156	63,360,000	0
20/12	0000418	2901538862	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM NA	Bán hàng theo HĐ 418	156	8,633,333	0
26/12	0000419	0400260517	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MINH THÀNH	Bán hàng theo HĐ 419	156	35,000,000	0
28/12	0000420	4201259472	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI PHÚC NT	Bán hàng theo HĐ 420	156	14,080,000	0
28/12	0000420	4201259472	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI PHÚC NT	Bán hàng theo HĐ 420	156	172,200,000	0
28/12	0000421	3000427037	CÔNG TY CP XÂY LẮP – DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LAI	Bán hàng theo HĐ 421	156	17,706,667	0
29/12	422	3000427037	CÔNG TY CP XÂY LẮP – DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LAI	Bán hàng HĐ 422	156	17,706,667	0
29/12	423	131-CT240	CÔNG TY TNHH MINH KHANG CHÂU TUYẾT	Bán hàng HĐ 423	156	136,533,333	0
31/12	KC-000006			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1,843,210,015
				Tổng cộng phát sinh		7,421,439,655	7,421,439,655
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		34,339,020,632	34,339,020,632
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ chi tiết TK 632

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 Năm 2023

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
01/10	0000001	01/10	Thu hồi nợ				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212	40,000,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	40,000,000
.....							
.....							
18/12	0000416	18/12	Bán hàng theo HD 416				
			Phải thu của khách hàng	X	131	1,049,998	0
			Hàng hóa	X	156	0	900,000
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	77,778
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	972,220
			Giá vốn hàng bán	X	632	900,000	0
18/12	0000741	18/12	Nhập hàng theo HD 741				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	775,556	0
			Hàng hóa	X	156	9,694,444	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	10,470,000
.....							
.....							
31/12	THUE	31/12	Khấu trừ thuế GTGT Q4				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	0	641,375,080
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	641,375,080	0
31/12	TNCN	31/12	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	546,418
			Phải trả người lao động	X	334	546,418	0
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....					
.....					
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	4,920,000	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	5,160,000	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	11,729,472	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	12,082,909	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	14,000,000	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	14,530,909	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	14,923,636	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	15,946,668	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	17,333,334	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	18,842,386	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	19,266,667	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	21,333,333	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	21,546,667	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	26,133,333	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	27,400,000	0
12/12	0000409	Bán hàng theo HĐ 409	156	65,333,333	0
13/12	0000410	Bán hàng theo HĐ 410	156	40,000,000	0
14/12	0000411	Bán hàng theo HĐ 411	156	9,288,000	0
15/12	0000412	Bán hàng theo HĐ 412	156	15,360,000	0
18/12	0000414	Bán hàng theo HĐ 414	156	17,749,333	0
18/12	0000415	Bán hàng theo HĐ 415	156	4,241,455	0
18/12	0000416	Bán hàng theo HĐ 416	156	900,000	0
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	156	6,150,833	0
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	156	41,847,685	0
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	156	63,360,000	0
20/12	0000418	Bán hàng theo HĐ 418	156	8,633,333	0
26/12	0000419	Bán hàng theo HĐ 419	156	35,000,000	0
28/12	0000420	Bán hàng theo HĐ 420	156	14,080,000	0
28/12	0000420	Bán hàng theo HĐ 420	156	172,200,000	0
28/12	0000421	Bán hàng theo HĐ 421	156	17,706,667	0
29/12	422	Bán hàng HĐ 422	156	17,706,667	0
29/12	423	Bán hàng HĐ 423	156	136,533,333	0
31/12	KC-000006	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1,843,210,015
		Tổng cộng phát sinh		7,421,439,655	7,421,439,655
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		34,339,020,632	34,339,020,632
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Trích sổ cái TK 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

- Chi phí tài chính tại công ty chủ yếu là các khoản trả lãi vay.
- TK sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”.
- Chứng từ sử dụng: phiếu chi, giấy báo nợ.

- Sổ sách sử dụng: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 635.

Cuối tháng kế toán sẽ nhận chứng từ từ ngân hàng, và dựa vào đó để hạch toán lên phần mềm.

Ngày 19/10/2023 công ty trả gốc và lãi vay, với số tiền lãi là 1.904.000.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM			Ngày in: 06/11/2023 09:22:34		
BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ DƯ TÀI KHOẢN					
Ngày giao dịch Từ ngày: 01/10/2023 Đến ngày: 31/10/2023					
Khách hàng: CTY TNHH TM&DV HOA VAN					
Mã KH: 14893639					
Số tài khoản: 5601608825			Loại tiền: VND		
Số tài khoản cũ: 56010001608825					
Ngày hiệu lực	Ghi nợ	Ghi có	Số dư	Mô tả	
Dư đầu			8,654,923		
.....					
16/10/2023 12:04:56	0	100,000,000	104,523,263	TK Thẻ :893989398, tại ACB. HOANG KHANG THANH TOAN- 161023-12:04:55 794416 -CTLNHID000006013000194-1/1- CBE-002	
17/10/2023 10:11:26	100,000,000	0	4,523,263	HBK- TK Thẻ :0041000004097, tại Vietcombank. ND Hoa van thanh toan tien hang -CTLNHID000006023437869-1/2- PMT-002	
17/10/2023 10:11:26	22,000	0	4,501,263	HBK- TK Thẻ :0041000004097, tại Vietcombank -CTLNHID000006023437869-2/2- EEE-002	
19/10/2023 09:27:17	0	110,000,000	114,501,263	REM 9901CI231019000015442 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTL- REF/202310191010011000507901 203009 MBBIZ6007411699.IBPS.CONG TY	
19/10/2023 14:59:53	44,000	0	114,457,263	REF500/AZ3A0W5CJTF10 B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CONG TY CO PHAN CONG NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NHH48203001 CTY HOA	
19/10/2023 16:20:15	0	104,328,000	218,785,263	CTY TNHH HOA BINH Tra CT Hoa Van	
19/10/2023 17:06:51	103,904,000	0	114,881,263	TAT TOAN TK VAY 887860, GOC 102.000.000, L AI 1.904.000	
.....					
.....					
31/10/2023 17:31:05	195,000,000	0	2,792,860	Thu no 228036	
Cộng phát sinh	4,588,728,507	4,582,866,444			
Dư cuối ngày			2,792,860		
Bảo cáo được in từ chương trình BIDV iBank bởi user:14893639/VANHX					

**GIẤY BÁO NỢ
DEBIT ADVICE**

Ngày/Date: 19/10/2023
CIF: 14893639
Seq: 78

Chi nhánh/ Branch: **CN HAI VAN**
Tên tài khoản/ Account Name: **CTY TNHH TM&DV HOA VAN**
Địa chỉ/ Address: **377 379 NGUYEN PHUOC LAN HOA XUAN CAM LE /, DA NANG**
Số tài khoản/ Account No: **5601608825**
(Số tài khoản cũ / Old Account No: 56010001608825)

Kính gửi/ To: **CTY TNHH TM&DV HOA VAN**

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi NỢ với nội dung sau:
Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:

Ngày hiệu lực Effective Date	Ngày giao dịch Trans Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn. Description	Giao dịch viên Teller
19/10/2023	19/10/2023 17:06:51	103,904,000.00	VND	TAT TOAN TK VAY 887860, GOC 102.000.000, LAI 1.904.000	153661

Người tạo 88352

Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống In sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Căn cứ vào sao kê và giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán hạch toán vào phần mềm: Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay -> Cập nhật số liệu -> Phiếu chi tiền gửi (giấy báo nợ).

Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: **Phiếu chi cho một đối tượng**

Khách hàng: **BIDV** Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM Người nhận tiền: **Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT N** Ngày CT: **19/10/2023**
Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: **0000014**
Lý do chứng từ: **Trả gốc và lãi vay** CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
34111	11212	102.000.000	Trả gốc và lãi vay		
635	11212	1.904.000	Trả gốc và lãi vay		

Record: 1 of 2

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
	0000014	19/10/2023		103.904.000	0		Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT N		

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 11212 Vụ việc: Tổng chưa thuế: 103.904.000 Tổng hoá đơn: 103.904.000
Tổng thuế VAT: 0 Tổng hạch toán: 103.904.000

Khoá số / Mở số Khoá DL Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình ảnh minh họa

Phần mềm sẽ kết xuất số liệu vào sổ chi tiết và tự động lên sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản liên quan.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
03/10	0000003	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả gốc	11212	3,672,248	0
04/10	0000004	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả gốc và lãi vay	11212	1,170,947	0
05/10	000006	331-PT080	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư	Thanh toán tiền hàng	11212	43,288,904	0
09/10	0000007	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Thanh toán gốc	11212	8,544	0
19/10	0000014	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả gốc và lãi vay	11212	1,904,000	0
23/10	0000019	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	88,000	0
23/10	0000019	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	2,240,000	0
23/10	0000019	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	2,475,123	0
23/10	0000019	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	5,000,000	0
23/10	0000019	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	6,200,000	0
23/10	0000019	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	7,000,000	0
24/10	0000020	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi vay	11212	2,627,200	0
24/10	0000021	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả gốc và lãi vay	11212	14,781	0
31/10	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	75,689,747
07/11	135318	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Thanh toán gốc + lãi	11212	953,931	0
22/11	135328	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Thanh toán lãi	11212	24,095,568	0
27/11	135329	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Thanh toán gốc + lãi	11212	28,904	0
30/11	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	25,078,403
08/12	148420	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả gốc	11212	2,427,589	0
22/12	148415	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi	11212	23,310,637	0
25/12	148416	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả lãi	11212	186,413	0
26/12	148418	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Trả gốc	11212	179,899	0
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	26,104,538
				Tổng cộng phát sinh		126,872,688	126,872,688
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		412,070,090	412,070,090
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ chi tiết TK 635

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN						Mẫu số S03a-DNN	
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Quý 4 Năm 2023							
NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....							
.....							
.....							
19/10	0000010	19/10	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt				
			Tiền Việt Nam	X	1111	435,000,000	0
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211	0	435,000,000
19/10	0000010	19/10	Thu hồi nợ				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212	104,328,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	104,328,009
			Chi phí khác không được trừ	X	8118	9	0
19/10	0000011	19/10	Chi nộp tiền vào ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	42,000,000
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211	42,000,000	0
19/10	0000014	19/10	Trả gốc và lãi vay				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212	0	103,904,000
			Các khoản đi vay BIDV	X	34111	102,000,000	0
			Chi phí tài chính	X	635	1,904,000	0
.....							
.....							
.....							
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569
Người lập biểu				Kế toán trưởng		TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
						Giám đốc	
Nguyễn Thị Phượng						Nguyễn Kim Hoàng	

Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ					
SỔ CÁI					
Quý 4 Năm 2023					
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
03/10	0000003	Trả gốc	11212	3,672,248	0
04/10	0000004	Trả gốc và lãi vay	11212	1,170,947	0
05/10	0000006	Thanh toán tiền hàng	11212	43,288,904	0
09/10	0000007	Thanh toán gốc	11212	8,544	0
19/10	0000014	Trả gốc và lãi vay	11212	1,904,000	0
23/10	0000019	Trả lãi vay	11212	88,000	0
23/10	0000019	Trả lãi vay	11212	2,240,000	0
23/10	0000019	Trả lãi vay	11212	2,475,123	0
23/10	0000019	Trả lãi vay	11212	5,000,000	0
23/10	0000019	Trả lãi vay	11212	6,200,000	0
23/10	0000019	Trả lãi vay	11212	7,000,000	0
24/10	0000020	Trả lãi vay	11212	2,627,200	0
24/10	0000021	Trả gốc và lãi vay	11212	14,781	0
31/10	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	75,689,747
07/11	135318	Thanh toán gốc + lãi	11212	953,931	0
22/11	135328	Thanh toán lãi	11212	24,095,568	0
27/11	135329	Thanh toán gốc + lãi	11212	28,904	0
30/11	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	25,078,403
08/12	148420	Trả gốc	11212	2,427,589	0
22/12	148415	Trả lãi	11212	23,310,637	0
25/12	148416	Trả lãi	11212	186,413	0
26/12	148418	Trả gốc	11212	179,899	0
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	26,104,538
		Tổng cộng phát sinh		126,872,688	126,872,688
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		412,070,090	412,070,090
		Số dư cuối kỳ		0	0
			Ngày.....tháng.....năm.....		
			kế toán trưởng		

Trích Sổ cái TK 635

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

a. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí bán hàng: phát sinh tại công ty bao gồm những khoản chi phí như chi phí của hoạt động cho thuê xe nâng hàng, chi phí tiền lương bộ phận bốc vác, vận chuyển, chi phí bảo hiểm xã hội của bộ phận bốc vác, vận chuyển,...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản như tiền lương trả cho Ban giám đốc và nhân viên quản lý của công ty, chi phí bảo hiểm xã hội của bộ phận quản lý, khấu hao phân bổ, chi phí văn phòng phẩm, các khoản thuế, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác chi chung cho toàn doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng: HĐ GTGT, hợp đồng lao động, bảng lương, phiếu chi, bảng trích khấu hao, phân bổ, ...

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 6421 “Chi phí bán hàng”
- Sổ chi tiết TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

* TK 642 có 2 tài khoản cấp 2 là 6421, 6422 và 7 tài khoản cấp 3 là:

- + 64221 Chi phí nhân viên quản lý
- + 64222 Chi phí văn phòng phẩm
- + 64223 Chi phí điện , nước, điện thoại,..
- + 64224 Thuế, phí, lệ phí,...
- + 64225 Phí ngân hàng
- + 64226 Chi phí khấu hao, phân bổ
- + 64227 Chi phí khác

d. Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Trường hợp 1: Chi phí bán hàng

- **Chi phí tiền lương bộ phận bốc vác, vận chuyển:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																																		
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hoa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng				THÁNG 10 NĂM 2023																																		
MST: 0401971048																																						
STT	Mã NV	Họ và tên	Chức vụ	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Tiền thưởng theo doanh thu	Phụ cấp	Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Thu nhập chịu thuế TNCN	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN					Giảm trừ			Thu nhập tính thuế TNCN	Thuế TNCN phải nộp	Thực lĩnh	Ký nhận														
								Phụ cấp																														
								Ấn ca																														
I		Bộ phận quản lý		29,000,000	52	29,000,000	3,143,000	1,460,000	4,603,000	33,603,000	32,143,000	8,388,800	1,426,096	251,664	83,888	41,944	1,803,592	671,104	125,832	62,916	41,944	22,000,000	8,800,000	4,159,588	207,979	32,514,197	0											
01	NV0012	Nguyễn Kim Hoàng	Giám đốc	20,000,000	26	20,000,000		730,000	730,000	20,730,000	20,000,000	4,194,400	713,048	125,832	41,944	20,972	901,796	335,552	62,916	41,944	440,412	11,000,000	4,400,000	4,159,588	207,979	20,081,609												
01	NV0001	Lý Thị Ngọc Trâm	Kế toán	9,000,000	26	9,000,000	3,143,000	730,000	3,873,000	12,873,000	12,143,000	4,194,400	713,048	125,832	41,944	20,972	901,796	335,552	62,916	41,944	440,412	11,000,000	4,400,000	0	0	12,432,588												
II		Bộ phận sản xuất		107,500,000		107,115,385	2,572,000	7,925,000	10,497,000	117,612,385	109,687,385	4,194,400	713,048	125,832	41,944	20,972	901,796	335,552	62,916	41,944	440,412	121,000,000	0	2,131,588	106,579	117,065,393												
02	NV0014	Nguyễn Văn Thịnh	Kinh doanh	11,000,000	26	11,000,000	2,572,000	730,000	3,302,000	14,302,000	13,572,000	4,194,400	713,048	125,832	41,944	20,972	901,796	335,552	62,916	41,944	440,412	11,000,000	0	2,131,588	106,579	13,755,009												
02	NV0002	Bùi Văn Long	Thủ kho	9,500,000	26	9,500,000		730,000	730,000	10,230,000	9,500,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,230,000												
02	NV0003	Võ Hoàng Long	Bếp xép	9,000,000	26	9,000,000		730,000	730,000	9,730,000	9,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	9,730,000												
02	NV0004	Trương Ngọc Hương	Tập vụ	8,000,000	26	8,000,000		730,000	730,000	8,730,000	8,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	8,730,000												
02	NV0005	Nguyễn Đức Thành	Bếp xép	10,000,000	26	10,000,000		730,000	730,000	10,730,000	10,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,730,000												
02	NV0006	Lê Thu Hương	Kinh doanh	10,000,000	26	10,000,000		730,000	730,000	10,730,000	10,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,730,000												
02	NV0007	Trần Tài	Giao hàng	10,000,000	25	9,615,385		625,000	625,000	10,240,385	9,615,385		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,240,385												
02	NV0009	Phan Hữu Phước	Kinh doanh	10,000,000	26	10,000,000		730,000	730,000	10,730,000	10,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,730,000												
02	NV0010	Đặng Nhật Tiên	Kinh doanh	10,000,000	26	10,000,000		730,000	730,000	10,730,000	10,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,730,000												
02	NV0011	Hồ Thị Mỹ Linh	Kinh doanh	10,000,000	26	10,000,000		730,000	730,000	10,730,000	10,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,730,000												
02	NV0015	Nguyễn Văn Phúc	Kinh doanh	10,000,000	26	10,000,000		730,000	730,000	10,730,000	10,000,000		0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	0	10,730,000												
								Tổng																														
								136,500,000																														
								136,115,385																														
								5,715,000																														
								9,385,000																														
								15,100,000																														
								151,215,385																														
								141,830,385																														
								12,583,200																														
								2,139,144																														
								377,496																														
								125,832																														
								62,916																														
								2,705,388																														
								1,006,656																														
								188,748																														
								125,832																														
								1,321,236																														
								143,000,000																														
								8,800,000																														
								6,291,176																														
								314,559																														
								149,579,590																														

➤ **Cước vận chuyển hàng**



Mẫu số 1
Ký hiệu: C23TDN
Số: 505

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 12 tháng 12 năm 2023

MCCQT: 00A05F1B6227AE44D7A04356200AD62D41

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN

Mã số thuế: 0316537288

Địa chỉ: 22/23 Đường số 7, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0333057333

Số tài khoản: 6811168687979 Ngân hàng MB Bank -PGD Nguyễn Đình Chiêu, CN Đồng Sài Gòn

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Họ tên người mua:

Mã số thuế: 0401971048

Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Cước vận chuyển hàng từ Đà Nẵng đi Gia Lai	Tấn	25	550.000		8%	13.750.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	13.750.000	1.100.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	13.750.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	1.100.000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	14.850.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN
Ký ngày: 2023-12-12 15:15:06

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
23/10	598	0313082924	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HƯNG	Tiền vận chuyển HĐ 598	331	24,000,000	0
31/10	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
31/10	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	117,612,385	0
31/10	KC-000007			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	142,514,181
27/11	680	0313082924	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HƯNG	Cước vận chuyển hàng HĐ 680	331	12,000,000	0
28/11	444	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SƠN	Vận chuyển HĐ 444	331	136,674,400	0
30/11	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
30/11	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	118,463,000	0
30/11	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	268,039,196
02/12	0000650	4101578210	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TÂN QUANG THỐNG	Nhập hàng theo HĐ 650	331	3,216,750	0
02/12	0000651	4101578210	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TÂN QUANG THỐNG	Nhập hàng theo HĐ 651	331	12,718,648	0
04/12	0000475	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 475	331	16,500,000	0
05/12	0000478	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 478	331	17,050,000	0
06/12	0000484	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 484	331	17,600,000	0
07/12	0000495	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 495	331	18,150,000	0
08/12	0000498	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 498	331	16,500,000	0
11/12	0000501	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 501	331	17,050,000	0
12/12	0000505	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 505	331	13,750,000	0
13/12	0000515	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 515	331	13,200,000	0
14/12	0000522	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 522	331	16,500,000	0
15/12	0000525	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 525	331	7,700,000	0
23/12	0000183	0402019988	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HƯNG BÌNH AN	Nhập hàng theo HĐ 183	331	10,564,000	0
27/12	502	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SƠN	Vận chuyển HĐ 502	331	65,590,990	0
30/12	778	0313082924	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HƯNG	Cước vận chuyển hàng HĐ 778	331	16,700,000	0
31/12	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
31/12	LUONG			Thưởng 2023	334	46,000,000	0
31/12	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	117,240,000	0
31/12	PB			Trích KHTSCD vào phí	2422	58,457,466	0
31/12	PB			Trích KHTSCD vào phí	2421	66,000,000	0
31/12	KC-000007			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	551,389,650
				Tổng cộng phát sinh		961,943,027	961,943,027
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1,873,076,751	1,873,076,751
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ chi tiết TK 6421

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 Năm 2023

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....							
.....							
.....							
31/10	LUONG	31/10	Trích lương, ăn ca vào phí				
			Phải trả người lao động	X	334	0	151,215,385
			Chi phí bán hàng	X	6421	117,612,385	0
			Chi phí nhân viên quản lý	X	64221	33,603,000	0
12/12	0000409	12/12	Bán hàng theo HD 409				
			Phải thu của khách hàng	X	131	350,464,320	0
			Hàng hóa	X	156	0	340,177,188
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	25,960,320
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	324,504,000
			Giá vốn hàng bán	X	632	340,177,188	0
12/12	0000505	12/12	Nhập hàng theo HD 505				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	1,100,000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	14,850,000
			Chi phí bán hàng	X	6421	13,750,000	0
.....							
.....							
.....							
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	0	641,375,080
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	641,375,080	0
31/12	TNCN	31/12	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	546,418
			Phải trả người lao động	X	334	546,418	0
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Nguyễn Thị Phụng

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ nhật ký chung

(*) Xem sổ cái 642 ở trang số 66.

Trường hợp 2: Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Chi phí tiền cước viễn thông**



Mẫu số 1
Ký hiệu: K23THA
Số: 1308187

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 01 tháng 11 năm 2023

MCCQT:

Tên người bán: TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Mã số thuế: 0106869738-003

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công Ty TNHH TM & DV Hoa Vân

Họ tên người mua:

Mã số thuế: 0401971048

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1		Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 10 năm 2023	Tháng	1			10%	150.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	150.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	15.000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	165.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cán kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

➤ **Chi phí tiền lương bộ phận quản lý: đã trình bày ở trang 59.**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

CHỨNG TỪ NGÀY	SỐ CT	MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
						NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
01/10	1185477	738-VNPT	TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Dịch Vụ Viễn Thông	Chi tiền cước viễn thông T9/23	1111	150,000	0
07/10	125889	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Phí ngân hàng 125889	11211	50,000	0
10/10	318730	NKH	NGUYỄN KIM HOÀNG	Chi hỗ trợ trang phục	1111	48,000,000	0
12/10	318732	NKH	NGUYỄN KIM HOÀNG	Chi hỗ trợ trang phục	1111	15,000,000	0
12/10	127155	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Phí ngân hàng 125889	11211	10,000	0
13/10	3318723	331-DL228	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	Chi tiền điện	1111	653,548	0
19/10	4888	331-VX369	CÔNG TY TNHH VÂN XUÂN	Chi tiền xăng	1111	727,273	0
31/10	25293	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Phí ngân hàng 25293	11212	1,528,915	0
31/10	BHXX			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1,803,592	0
31/10	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	33,603,000	0
31/10	KC-000008			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	83,406,592
31/10	KC-000009			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
31/10	KC-000010			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,588,915
31/10	KC-000011			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	16,380,821
01/11	1308187	738-VNPT	TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Dịch Vụ Viễn Thông	Chi tiền cước viễn thông T10/23	1111	150,000	0
04/11	135316	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Phí ngân hàng 135316	11211	50,000	0
10/11	5391	331-VX369	CÔNG TY TNHH VÂN XUÂN	Chi tiền xăng HD 5391	1111	909,091	0
10/11	5392	331-VX369	CÔNG TY TNHH VÂN XUÂN	Chi tiền xăng HD 5392	1111	909,091	0
16/11	5505	331-VX369	CÔNG TY TNHH VÂN XUÂN	Chi tiền xăng HD 5505	1111	909,091	0
20/11	27028	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Phí ngân hàng 27028	11212	50,000	0
25/11	698556	331-KV683	CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN	Chi tiền xăng dầu HD 698556	1111	454,545	0
30/11	27669	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Phí ngân hàng 27669	11212	1,074,100	0
30/11	BHXX			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1,803,592	0
30/11	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	34,044,000	0
30/11	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	35,847,592
30/11	KC-000008			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
30/11	KC-000009			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,174,100
30/11	KC-000010			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	3,181,818
02/12	1431201	738-VNPT	TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Dịch Vụ Viễn Thông	Chi tiền cước viễn thông 1431201	1111	150,000	0
02/12	3605820	331-DL228	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	Chi tiền điện HD 3605820	1111	1,105,148	0
05/12	1184208	331-GG001	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE - CHI NHÁNH MIỀN NAM	Chi tiền tiếp khách HD 1184208	1111	2,086,000	0
07/12	19815	0400259800	CÔNG TY CỔ PHẦN DANA	Chi tiền sửa xe HD 19815	1111	1,831,227	0
07/12	19816	0400259800	CÔNG TY CỔ PHẦN DANA	Chi tiền sửa xe HD 19816	1111	897,500	0
09/12	148398	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Phí ngân hàng 148398	11211	50,000	0
18/12	1181	331-TP936	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ HÒA THỊNH PHÁT	Chi tiền tiếp khách HD 1181	1111	2,186,751	0
22/12	1165	0402150037	CÔNG TY TNHH TM& DV HOME KITCHEN	Chi tiếp khách HD 1165	1111	9,246,886	0
26/12	606	0401490873	Công Ty TNHH Một Thành Viên Rồng Xuyên Việt	Chi tiếp khách HD 606	1111	1,168,518	0
30/12	230	331-PY394	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & DU LỊCH PHÚC Ý	Chi tiền vé máy bay công tác HD 230	1111	2,314,815	0
30/12	31053	BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Phí ngân hàng 27669	11212	1,545,053	0
31/12	BHXX			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1,803,592	0
31/12	LUONG			Thưởng 2023	334	10,000,000	0
31/12	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	42,550,000	0
31/12	PB			Trích KHTSCD vào phí	2141	28,916,193	0
31/12	KC-000008			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	54,353,592
31/12	KC-000009			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
31/12	KC-000010			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,595,053
31/12	KC-000011			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	28,916,193
31/12	KC-000012			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	20,836,845
				Tổng cộng phát sinh		247,731,521	247,731,521
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		755,089,348	755,089,348
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trích sổ chi tiết TK 6422

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 Năm 2023

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....							
.....							
.....							
31/10	KC-000013	31/10	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	0	18,657,740
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	18,657,740	0
31/10	LUONG	31/10	Trích lương, ăn ca vào phí				
			Phải trả người lao động	X	334	0	151,215,385
			Chi phí bán hàng	X	6421	117,612,385	0
			Chi phí nhân viên quản lý	X	64221	33,603,000	0
31/10	TNCN	31/10	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	314,559
			Phải trả người lao động	X	334	314,559	0
01/11	000009	01/11	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt				
			Tiền Việt Nam	X	1111	100,000,000	0
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk 0041000367800)	X	11211	0	100,000,000
01/11	000021	01/11	Thu hồi nợ				
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk 0041000367800)	X	11211	8,198,400	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	8,198,400
01/11	000022	01/11	Thu hồi nợ				
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk 0041000367800)	X	11211	200,000,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	200,000,000
01/11	0000354	01/11	Bán hàng theo HD 354				
			Phải thu của khách hàng	X	131	71,807,596	0
			Hàng hóa	X	156	0	64,081,940
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	5,319,081
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	66,488,515
			Giá vốn hàng bán	X	632	64,081,940	0
01/11	0000381	01/11	Nhập hàng theo HD 381				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	592,800	0
			Hàng hóa	X	156	7,410,000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	8,002,800
01/11	1308187	01/11	Chi tiền cước viễn thông T10/23				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	165,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	15,000	0
			Chi phí điện , nước, điện thoại,...	X	64223	150,000	0
.....							
.....							
.....							
31/12	THUE	31/12	Khấu trừ thuế GTGT Q4				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	0	641,375,080
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	641,375,080	0
31/12	TNCN	31/12	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	546,418
			Phải trả người lao động	X	334	546,418	0
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ					
SỔ CÁI					
Quý 4 Năm 2023					
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....					
.....					
23/10	598	Tiền vận chuyển HĐ 598	331	24,000,000	0
31/10	PT044	Phí ngân hàng 25293	11212	1,528,915	0
31/10	TH006	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
31/10	TH006	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1,803,592	0
31/10	TH007	Trích lương, ăn ca vào phí	334	33,603,000	0
31/10	TH007	Trích lương, ăn ca vào phí	334	117,612,385	0
.....					
.....					
01/11	PT028	Chi tiền cước viễn thông T10/23	1111	150,000	0
.....					
.....					
07/12	0000495	Nhập hàng theo HĐ 495	331	18,150,000	0
08/12	0000498	Nhập hàng theo HĐ 498	331	16,500,000	0
09/12	PT073	Phí ngân hàng 148398	11211	50,000	0
11/12	0000501	Nhập hàng theo HĐ 501	331	17,050,000	0
12/12	0000505	Nhập hàng theo HĐ 505	331	13,750,000	0
.....					
.....					
31/12	KC-000012	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	20,836,845
		Tổng cộng phát sinh		1,209,674,548	1,209,674,548
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,628,166,099	2,628,166,099
		Số dư cuối kỳ		0	0
			Ngày.....tháng.....năm.....		
			kế toán trưởng		

Trích sổ cái TK 642

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.

a. Nội dung

Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác” dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Hoạt động chi phí khác tại công ty: phân chênh lệch giá trị thanh toán, nộp tiền phạt khi chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm,...

b. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ ngân hàng
- Sổ phụ/ sao kê ngân hàng
- HĐ GTGT

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 811

* TK 811 có một tài khoản cấp hai là TK 8118 “Chi phí khác không được trừ”

d. Hạch toán chi phí khác

Ngày 16/10/2023 bán hàng cho công ty Hòa Bình theo hóa đơn số 329 với số tiền phải thu là 104.328.009.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ngày 16 tháng 10 năm 2023 (BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ) Mã của CQT: 006CE674DAE57C4E1DAAB6FF43F03E1D64					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN Mã số thuế : 0401971048 Địa chỉ : 377 - 379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại : 0913407908 Số tài khoản : 5601608825 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Hải Vân 0041000367800 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng					
Người mua hàng : Tên đơn vị : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA BÌNH Mã số thuế : 5200131499 Địa chỉ : Số nhà 349, tổ dân phố số 15, Phường Nguyễn Thái Học, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam Hình thức thanh toán : <u>Chuyển khoản</u> Số tài khoản :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	P67702N	Thùng	313	280.000	87.640.000
2	G68034	Thùng	4	233.333	933.332
3	G63918	Thùng	28	286.667	8.026.676
Cộng tiền hàng:					96.600.008
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 7.728.001
Tổng tiền thanh toán:					104.328.009
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh bốn triệu ba trăm hai mươi tám nghìn không trăm linh chín đồng					
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)		
Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN Ký ngày: 16/10/2023					
Mã nhận hóa đơn: EF4BJPP9KZH tra cứu tại: http://einvoice.vn/tra-cuu (Cấm kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Giữ lại bản gốc, không được xóa, Công ty TNHH TM & DV HOA VÂN - Mã số thuế: 0401971048 - www.einvoice.vn)

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng	131-HB489	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU	Ngày CI	16/10/2023	Số CT	329	Hạn t. toán	0
Họ tên n. mua	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ BÌNH		Phương thức TT		PT giao hàng			
Lý do chứng từ	Bán hàng HD 329		Mã NV quản lý		Chọn giá bán	1. Giá chung		
Địa chỉ	Số nhà 349, tổ dân phố số 15, Phường Nguyễn Thái		Nhân viên Order		Đ. chỉ giao hàng			

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa \	Tiền chưa VA	K.m	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK
VT_1441	GẠCH P67702N 3323-A21-UGL	THÙNG	313	280,000	87,640,000		200,000	62,600,000	131	5111	632
VT_903	GẠCH G68034 5022-A92-40T	Thùng	4	233,333	933,332		202,909	811,636	131	5111	632
VT_1004	GẠCH G63915 1323-A83	THÙNG	28	286,667	8,026,676		222,545	6,231,273	131	5111	632
*									131	5111	632

Tính VAT	Xoá VAT	Thêm	☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế	Trạng thái hóa đơn	Chưa phát hành	
Ký hiệu	VH		Phân bổ	Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT		
Seri hoá đơn	329		Tên cơ sở KD	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ BÌNH		
Ngày hoá đơn	16/10/2023		Địa chỉ	Số nhà 349, tổ dân phố số 15, Phường Nguyễn Thái Học, Thành		
Loại VAT	8%		Mã số thuế	5200131489	TK n.hàng	
Tiền hàng	96,600,008		Tên hàng hoá		Tên k. toán	
Tiền VAT	7,728,001		Ghi chú		☐ Giảm thuế	
			Thuế - Ghi Nợ	131	Ghi Có	33311
			Vụ việc			

Tổng tiền vốn	69,642,909
Tiền CK	0
Tiền hàng	96,600,008
Tiền hàng sau CK	96,600,008
Tiền thuế	7,728,001
Tổng hoá đơn	104,328,009
Tổng hạch toán	104,328,009

Hàng hóa: VT_1441 / tồn (kho CHÍNH) : 313.00; Chưa thanh toán

Khóa sổ / Mở sổ | Phiếu thu | Thẻ kho | Khoá DL | Thêm | Xóa | In hoá đơn | Phiếu xuất | Phiếu B.hàng | Phiếu KT | Quay ra

Nhưng đến ngày 19/10/2023 khi công ty Hòa Bình thanh toán tiền hàng theo HĐ 329 với số tiền là 104.328.000.

GIẤY BẢO CỐ CREDIT ADVICE				Ngày/Date: 19/10/2023	
				CIF: 14893639	
				Seq: 77	
nhánh/ Branch:		CN HAI VAN			
tên tài khoản/ Account Name:		CTY TNHH TM&DV HOA VAN			
Địa chỉ/ Address:		377 379 NGUYEN PHUOC LAN HOA XUAN CAM LE /,DA NANG			
Số tài khoản/ Account No:		5601608825			
(Số tài khoản cũ / Old Account No: 56010001608825)					
Kính gửi/ To		CTY TNHH TM&DV HOA VAN		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi CỐ với nội dung sau: Please note that we have today CREDITED your account with the following entries:	
Ngày hiệu lực Effective Date	Ngày giao dịch Trans Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Txn. Description	Giao dịch viên Teller
19/10/2023	19/10/2023 16:20:15	104,328,000.00	VND	CTY TNHH HOA BÌNH Tra CT Hoa Van	A34_IBANK
Người tạo 88352					
Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống In sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.					

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
19/10	0000010	131-HB489	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ BÌNH	Thu hồi nợ	131	9	0
31/10	KC-000012			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	9
				Tổng cộng phát sinh		9	9
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		46,307,371	46,307,371
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phụng

Nguyeex Kim Hoàng

Trích sổ chi tiết TK 811

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	CT				NỢ	CÓ
.....							
.....							
.....							
19/10	0000010	19/10	Chi nộp tiền vào ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	35,000,000
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211	35,000,000	0
19/10	0000010	19/10	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt				
			Tiền Việt Nam	X	1111	435,000,000	0
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211	0	435,000,000
19/10	0000010	19/10	Thu hồi nợ				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212	104,328,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	104,328,009
			Chi phí khác không được trừ	X	8118	9	0
19/10	0000011	19/10	Chi nộp tiền vào ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	42,000,000
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211	42,000,000	0
19/10	0000014	19/10	Trả gốc và lãi vay				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212	0	103,904,000
			Các khoản đi vay BIDV	X	34111	102,000,000	0
			Chi phí tài chính	X	635	1,904,000	0
.....							
.....							
.....							
31/12	TNCN	31/12	Khấu trừ thuế TNCN				
			Thuế thu nhập cá nhân	X	3335	0	546,418
			Phải trả người lao động	X	334	546,418	0
			TỔNG CỘNG			107,177,581,569	107,177,581,569

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Nguyễn Thị Phụng

Nguyễn Kim Hoàng

Trích sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
19/10	0000010	Thu hồi nợ	131	9	0
31/10	KC-000012	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	9
		Tổng cộng phát sinh		9	9
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		46,307,371	46,307,371
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Trích sổ Cái TK 811

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.3.1. Nội dung

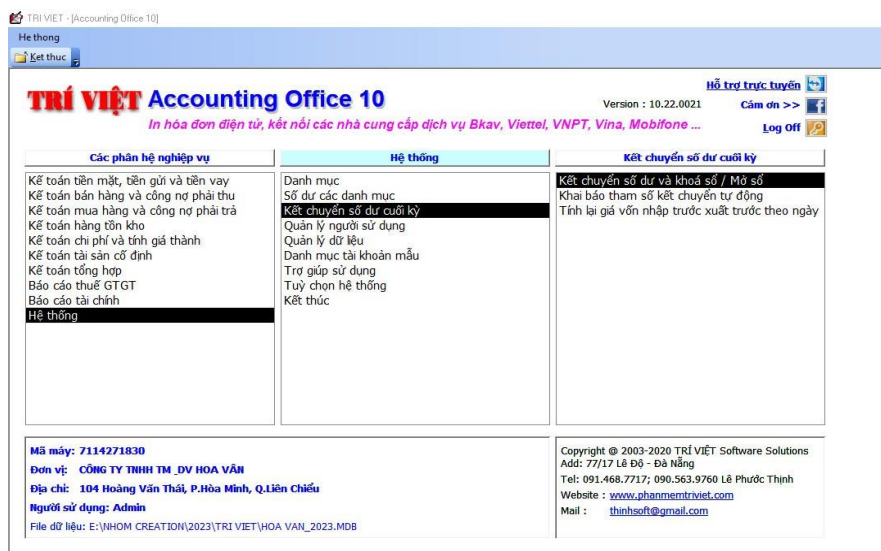
Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

2.2.3.2. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Vào cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, giá vốn, chi phí phát sinh từ hoạt động bán hàng, hoạt động tài chính,... vào tài khoản 911.

Kết chuyển lãi/ lỗ từ TK 911 sang TK 421 trên phần mềm kế toán để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Kế toán thực hiện thao tác:  -> Hệ thống -> Kết chuyển số dư cuối kỳ -> Kết chuyển số dư khóa/mở sổ.



Trích giao diện phần mềm

***Xác định kết quả kinh doanh quý 4/2023**

DTT = DT – các khoản giảm trừ DT = 8.016.240.795 – 0 = 8.016.240.795

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV = DTT – GVHB = 8.016.240.795 – 7.421.439.655
= 594.801.140

LNT từ HĐKD = Lợi nhuận gộp về BH và CCDV+DT HĐTC–CP TC – CPQLKD
= 594.801.140 + 3.409.926 – 126.872.688 – 1.209.674.548
= (738.336.170)

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác
= 166.533.979 – 9
= 166.533.970

Tổng lợi nhuận KTTT = LNT từ HĐKD + Lợi nhuận khác
= (738.336.170) + 166.533.970
= (571.802.200)

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ					
SỔ CÁI					
Quý 4 Năm 2023					
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/10	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	75,689,747	0
31/10	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	115
31/10	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	2,843,881,882
31/10	KC-000004	KC Doanh Thu gia công sang KQ SXKD	5113	0	13,636,364
31/10	KC-000005	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,438,633
31/10	KC-000006	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	2,520,568,989	0
31/10	KC-000007	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	142,514,181	0
31/10	KC-000008	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64221	83,406,592	0
31/10	KC-000009	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64223	150,000	0
31/10	KC-000010	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64225	1,588,915	0
31/10	KC-000011	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64227	16,380,821	0
31/10	KC-000012	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	8118	9	0
31/10	KC-000013	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	18,657,740	0
30/11	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	25,078,403	0
30/11	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	3,244,720,499
30/11	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQ SXKD	5113	0	13,636,364
30/11	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,053,201
30/11	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	3,057,660,651	0
30/11	KC-000006	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	268,039,196	0
30/11	KC-000007	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64221	35,847,592	0
30/11	KC-000008	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64223	150,000	0
30/11	KC-000009	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64225	1,174,100	0
30/11	KC-000010	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64227	3,181,818	0
30/11	KC-000011	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	131,721,696
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	26,104,538	0
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	166,533,864
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	1,886,729,322
31/12	KC-000004	KC Doanh Thu gia công sang KQ SXKD	5113	0	13,636,364
31/12	KC-000005	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	918,092
31/12	KC-000006	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	1,843,210,015	0
31/12	KC-000007	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	551,389,650	0
31/12	KC-000008	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64221	54,353,592	0
31/12	KC-000009	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64223	150,000	0
31/12	KC-000010	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64225	1,595,053	0
31/12	KC-000011	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64226	28,916,193	0
31/12	KC-000012	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	64227	20,836,845	0
31/12	KC-000013	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	458,738,244
		Tổng cộng phát sinh		8,776,644,640	8,776,644,640
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		38,078,349,125	38,078,349,125
		Số dư cuối kỳ		0	0
.....Ngày.....tháng.....năm.....					
kế toán trưởng					

Trích sổ cái TK 911

KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý 4 Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC	LƯỖY KẾ ĐẦU TƯ NĂM
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8,016,240,795	11,976,880,179	36,858,573,808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8,016,240,795	11,976,880,179	36,858,573,808
4. Giá vốn hàng bán	11		7,421,439,655	11,333,265,908	34,339,020,632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		594,801,140	643,614,271	2,519,553,176
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,409,926	4,170,120	10,616,462
7. Chi phí tài chính	22		126,872,688	98,653,918	412,070,090
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		126,872,688	98,653,918	412,070,090
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1,209,674,548	515,434,603	2,628,166,099
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(738,336,170)	33,695,870	(510,066,551)
10. Thu nhập khác	31		166,533,979	17,034,999	198,086,169
11. Chi phí khác	32		9	1,156	46,307,371
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		166,533,970	17,033,843	151,778,798
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50		(571,802,200)	50,729,713	(358,287,753)
14. Chi phí thuế TNDN	51				
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(571,802,200)	50,729,713	(358,287,753)

TP.Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Phượng

Nguyễn Kim Hoàng

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HOA VÂN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DV Hoa Vân

3.1.1. Ưu điểm

* **Chế độ kế toán:** Công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC-Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 26 tháng 8 năm 2016.

* **Tổ chức bộ máy kế toán:** Đội ngũ kế toán trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao; hơn nữa có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận khác trong công ty.

* **Hình thức sổ và hệ thống chứng từ:**

- Các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế về nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi đầy đủ và chính xác. Các chứng từ được phân loại, kiểm tra và xử lý kịp thời, và các chứng từ sẽ được kế toán sẽ hệ thống hóa theo trình tự thời gian trước khi đưa vào lưu trữ.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán và quản lý hàng tồn kho, điều này là hợp lý vì công ty kinh doanh nhiều mặt hàng nên để giảm thiểu tình trạng thất thoát, khó kiểm soát, công ty áp dụng phương pháp này để có thể nắm rõ tình hình và quản lý chặt chẽ hàng tồn kho; công ty không thể nào chọn áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

* **Tổ chức kế toán doanh thu và giá vốn:**

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ của công ty đều được kế toán thực hiện nhập liệu lên phần mềm kế toán mà công ty sử dụng, phần nào cũng giảm tải bớt công việc của bộ phận kế toán. Phần mềm không chỉ tự cập nhật các số liệu từ những chứng từ ban đầu lên các sổ có liên quan, mà phần mềm còn hỗ trợ kế toán trong việc tổng hợp các báo cáo cuối kỳ như: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,...

- Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến thu tiền từ hoạt động bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ đều sẽ được theo dõi ở tài khoản 131 “phải thu khách hàng” mặc dù có những khoản khách hàng thanh toán ngay. Mục đích của việc này để kế toán có thể dễ dàng theo dõi, kiểm tra và đối chiếu cả tài khoản 131 và tài khoản 331.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên thì công ty cũng có một số hạn chế như sau:

3.1.2.1. Hạn chế về chính sách bán hàng

Công ty chưa có các chính sách chiết khấu thương mại và chính sách chiết khấu thanh toán.

- Việc chiết khấu thương mại sẽ thu hút thêm được nhiều khách hàng tiềm năng, giúp có thêm lượng khách quen;
- Chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng trả nợ trước hoặc đúng hạn.
Hoặc công ty có thể bổ sung thêm vào hợp đồng khoản mục thời hạn thanh toán, tiền phạt do thanh toán quá hạn.

Vì vậy dẫn đến tình trạng có nhiều khách hàng còn nợ công ty.

3.1.2.2. Hạn chế về sổ sách

➡ *Diễn giải của công ty không rõ ràng*

Trường hợp: Khi khách hàng thanh toán tiền hàng, công ty chỉ ghi “thu hồi nợ”.

Phiếu Thu Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Phiếu thu cho một đối tượng

Khách hàng: 131-HB489 -- CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ BÌ Người nộp tiền: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU Ngày CT: 19/10/2023

Địa chỉ: Số nhà 349, tổ dân phố số 15, Phường Nguyễn Thái Học, Thành phố Mã nhân viên: Số CT: PT022

Lý do chứng từ: Thu hồi nợ CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
11212	131	104,328,000	Thu hồi nợ		
8118	131	9	Thu hồi nợ		

Record: 1 of 2 No Filter Search

Tổng hạch toán: 104,328,009

Khoá sổ / Mở sổ Khoá DL Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 Filtered Search

Kế toán diễn giải thu hồi nợ, cũng có thể trong năm nói chung và trong quý 4 nói riêng có nhiều các khoản nợ cần phải thu của công ty Hòa Bình, làm thế nào để nắm rõ và kiểm soát được những khoản nào đã thu và những khoản nào còn cần phải thu.

Có rất nhiều diễn giải thu hồi nợ.

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		7,960,918,971	0
01/10	PT001	Thu hồi nợ	11212	0	40,000,000
02/10	PT002	Thu hồi nợ	11211	0	100,000,000
02/10	PT003	Thu hồi nợ	11211	0	29,643,840
02/10	PT004	Thu hồi nợ	11211	0	60,000,000
03/10	PT005	Thu hồi nợ	11212	0	565,920,326
03/10	PT006	Thu hồi nợ	11211	0	500,000,000
.....					
.....					
19/10	PT022	Thu hồi nợ	8118	0	9
19/10	PT022	Thu hồi nợ	11212	0	104,328,000
19/10	PT023	Thu hồi nợ	11211	0	500,000,000
.....					
.....					
29/12	PT095	Thu hồi nợ	11211	0	20,526,598
29/12	PT096	Thu hồi nợ	11212	0	47,563,000
29/12	PT097	Thu hồi nợ	11212	0	43,200,054
29/12	PT098	Thu hồi nợ	11212	0	300,000,100
29/12	422	Thuế GTGT đầu ra	33311	1,420,960	0
29/12	422	Bán hàng HĐ 422	5111	17,762,000	0
29/12	423	Thuế GTGT đầu ra	33311	11,064,934	0
29/12	423	Bán hàng HĐ 423	5111	138,311,680	0
30/12	PT099	Thu hồi nợ	11211	0	29,714,939
31/12	PT101	Thu tiền bán hàng	11211	0	174,574,057
.....					
.....					
		Tổng cộng phát sinh		8,657,616,520	14,849,791,114
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		41,567,729,342	44,212,629,776
		Số dư cuối kỳ		1,768,744,377	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Trường hợp: Công ty kết chuyển nhiều chi phí nhưng ghi chung một diễn giải “KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD”.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Mẫu số: 38-DN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
....							
....							
31/10	KC-000008			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	83,406,592
31/10	KC-000009			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
31/10	KC-000010			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,588,915
31/10	KC-000011			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	16,380,821
....							
....							
30/11	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	35,847,592
30/11	KC-000008			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
30/11	KC-000009			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,174,100
30/11	KC-000010			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	3,181,818
....							
....							
31/12	KC-000008			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	54,353,592
31/12	KC-000009			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
31/12	KC-000010			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,595,053
31/12	KC-000011			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	28,916,193
31/12	KC-000012			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	20,836,845
				Tổng cộng phát sinh		247,731,521	247,731,521
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		755,089,348	755,089,348
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.1.2.3. Hạn chế về giá vốn hàng bán

☞ Công ty không hạch toán giá vốn đối với hoạt động cung cấp dịch vụ: Theo nguyên tắc phù hợp thể hiện việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau, ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Nhưng hiện tại đơn vị chỉ hạch toán phần doanh thu và chưa hạch toán riêng phần chi phí dịch vụ, nhưng chi phí dịch vụ trong kỳ này được đưa vào TK 6421.

3.2. Kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

3.2.1. Về sổ sách: Diễn giải các nghiệp vụ cần cụ thể và rõ ràng hơn

Trường hợp: Khi khách hàng thanh toán tiền hàng, công ty chỉ ghi “thu hồi nợ”.

Ngày 16/10/2023 bán gạch cho công ty TNHH Hòa Bình, với số tiền phải thu là 104.328.009 đồng, khi bán hàng, kế toán hạch toán với nội dung diễn giải như sau “bán hàng HD 329”. Xem hóa đơn 329 trang 67.

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng	131-HB489	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU	Ngày CI	16/10/2023	Số CT	329	Hạn t.toán	0
Họ tên n. mua	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ BÌNH		Phương thức TT		PT giao hàng			
Lý do chứng từ	Bán hàng HD 329	Mã NV quản lý		Chọn giá bán	1. Giá chung			
Địa chỉ	Số nhà 349, tổ dân phố số 15, Phường Nguyễn Thái		Nhân viên Order		Đ.chỉ giao hàng			

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa \	Tiền chưa V\	K.m	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK
VT_1441	GÁCH P67702N 3323-A21-UGL	THÙNG	313	280,000	87,640,000		200,000	62,600,000	131	5111	632
VT_903	GÁCH G68034 5022-A92-40T	Thùng	4	233,333	933,332		202,909	811,636	131	5111	632
VT_1004	GÁCH G63915 1323-A83	THÙNG	28	286,667	8,026,676		222,545	6,231,273	131	5111	632

Tính VAT	Xoá VAT	Thêm	☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế	Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành
Ký hiệu	VH	Phân bổ	Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT	
Seri hoá đơn	329	Tên cơ sở KD	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ BÌNH	
Ngày hoá đơn	16/10/2023	Địa chỉ	Số nhà 349, tổ dân phố số 15, Phường Nguyễn Thái Học, Thành	
Loại VAT	8%	Mã số thuế	5200131489	TK n.hàng
Tiền hàng	96,600,008	Tên hàng hoá		Tên k.toán
Tiền VAT	7,728,001	Ghi chú		☐ Giảm thuế
		Thuế - Ghi Nợ	131	Ghi Có
			33311	Vụ việc

Hàng hóa: VT_1441 / tồn (kho CHÍNH) : 313.00; Chưa thanh toán

Khóa sổ / Mở sổ	Phiếu thu	Thẻ kho	Khoá DL	Thêm	Xoá	In hoá đơn	Phiếu xuất	Phiếu B.hàng	Phiếu KT	Quay ra
-----------------	-----------	---------	---------	------	-----	------------	------------	--------------	----------	---------

Đến ngày 19/10/2023 công ty TNHH Hòa Bình thanh toán số hàng đã mua ngày 16/10/2023, kế toán hạch toán với nội dung diễn giải “thu hồi nợ”.

Đề xuất: để dễ quản lý, kiểm soát và đối chiếu các khoản đã thu/ chưa thu thì diễn giải nghiệp vụ thu hồi công nợ/ thu tiền từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ phải cụ thể hơn: “thu tiền bán hàng hóa đơn số 329”.

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA \

377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỀ XUẤT DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			7,960,918,971	0
19/10	PT022	Thu hồi nợ	Thu tiền bán hàng HD 329	8118	0	9
19/10	PT022	Thu hồi nợ	Thu tiền bán hàng HD 329	11212	0	104,328,000
19/10	PT023	Thu hồi nợ		11211	0	500,000,000
29/12	PT095	Thu hồi nợ		11211	0	20,526,598
29/12	PT096	Thu hồi nợ		11212	0	47,563,000
29/12	PT097	Thu hồi nợ		11212	0	43,200,054
29/12	PT098	Thu hồi nợ		11212	0	300,000,100
29/12	422	Thuế GTGT đầu ra		33311	1,420,960	0
29/12	422	Bán hàng HD 422		5111	17,762,000	0
29/12	423	Thuế GTGT đầu ra		33311	11,064,934	0
29/12	423	Bán hàng HD 423		5111	138,311,680	0
30/12	PT099	Thu hồi nợ		11211	0	29,714,939
31/12	PT101	Thu tiền bán hàng		11211	0	174,574,057
		Tổng cộng phát sinh			8,657,616,520	14,849,791,114
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12			41,567,729,342	44,212,629,776
		Số dư cuối kỳ			1,768,744,377	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Trường hợp: Công ty kết chuyển nhiều chi phí nhưng ghi chung một diễn giải “KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD”.

➔ Hiện tại công ty đang kết chuyển theo từng tài khoản chi tiết của TK 642 nhưng ghi chung một diễn giải: “KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD”.

Đề xuất: kết chuyển chi phí gì thì ghi nội dung phần diễn giải là kết chuyển chi phí đó để giúp doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát được các khoản chi phí.

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CÁI
Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI CỦA CÔNG TY	ĐỀ XUẤT DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			0	0
.....						
01/10	PT001	Chi tiền cước viễn thông T9/23	1111	150,000	0	0
07/10	PT008	Phí ngân hàng 125889	11211	50,000	0	0
12/10	PT011	Chi hỗ trợ trang phục	1111	15,000,000	0	0
12/10	PT016	Phí ngân hàng 125889	11211	10,000	0	0
13/10	PT012	Chi tiền điện	1111	653,548	0	0
19/10	PT016	Chi tiền xăng	1111	727,273	0	0
31/10	PT044	Phí ngân hàng 25293	11212	1,528,915	0	0
.....						
31/10	KC-000009	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	Kết chuyển phí cước viễn thông vào KQ SXKD	911	0	150,000
31/10	KC-000010	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	Kết chuyển phí ngân hàng vào KQ SXKD	911	0	1,588,915
31/10	KC-000011	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	Kết chuyển chi phí điện nước vào KQ SXKD	911	0	16,380,821
.....						
		Tổng cộng phát sinh			247,731,521	247,731,521
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12			755,089,348	755,089,348
		Số dư cuối kỳ			0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

3.2.2. Về giá vốn hàng bán

Ở phần trước điểm tôi đã trình bày, tôi muốn đề xuất tách phần phân bổ công cụ dụng cụ đưa vào giá vốn hàng bán thì mới phù hợp với doanh thu được ghi nhận của hoạt động cho thuê xe nâng hàng. So với trước đây, sổ cái 632, 642 và sổ chi tiết TK 6421 có sự thay đổi. Số liệu trên sổ cái 632 tăng và sổ cái 642 giảm, điều này sẽ góp phần làm cho lợi nhuận gộp của công ty chính xác hơn.

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....					
.....					
10/10	000316	Cung cấp dịch vụ HĐ 316	2422	501,543	0
.....					
.....					
13/11	372	Cung cấp dịch vụ HĐ 372	2422	501,543	0
.....					
.....					
08/12	0000405	Cung cấp dịch vụ HĐ 405	2422	501,543	0
.....					
.....					
15/12	0000412	Bán hàng theo HĐ 412	156	15,360,000	0
18/12	0000414	Bán hàng theo HĐ 414	156	17,749,333	0
18/12	0000415	Bán hàng theo HĐ 415	156	4,241,455	0
18/12	0000416	Bán hàng theo HĐ 416	156	900,000	0
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	156	6,150,833	0
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	156	41,847,685	0
20/12	0000417	Bán hàng theo HĐ 417	156	63,360,000	0
20/12	0000418	Bán hàng theo HĐ 418	156	8,633,333	0
26/12	0000419	Bán hàng theo HĐ 419	156	35,000,000	0
28/12	0000420	Bán hàng theo HĐ 420	156	14,080,000	0
28/12	0000420	Bán hàng theo HĐ 420	156	172,200,000	0
28/12	0000421	Bán hàng theo HĐ 421	156	17,706,667	0
29/12	422	Bán hàng HĐ 422	156	17,706,667	0
29/12	423	Bán hàng HĐ 423	156	136,533,333	0
31/12	KC-000006	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1,843,711,558
		Tổng cộng phát sinh		7,422,944,284	7,422,944,284
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		34,340,525,261	34,340,525,261
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

Mẫu số: 38-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Quý 4 Năm 2023
Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKDU'	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
23/10	598	0313082924	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HƯNG	Tiền vận chuyển HĐ 598	331	24,000,000	0
31/10	TH006			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
31/10	TH007			Trích lương,ăn ca vào phí	334	117,612,385	0
31/10	KC-000007			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	142,514,181
27/11	680	0313082924	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HƯNG	Cước vận chuyển hàng HĐ 680	331	12,000,000	0
28/11	444	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SƠN	Vận chuyển HĐ 444	331	136,674,400	0
30/11	TH011			Trích lương,ăn ca vào phí	334	118,463,000	0
30/11	TH012			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
30/11	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	268,039,196
02/12	0000650	4101578210	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TÂN QUANG THÔNG	Nhập hàng theo HĐ 650	331	3,216,750	0
02/12	0000651	4101578210	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TÂN QUANG THÔNG	Nhập hàng theo HĐ 651	331	12,718,648	0
04/12	0000475	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 475	331	16,500,000	0
05/12	0000478	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 478	331	17,050,000	0
06/12	0000484	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 484	331	17,600,000	0
07/12	0000495	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 495	331	18,150,000	0
08/12	0000498	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 498	331	16,500,000	0
11/12	0000501	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 501	331	17,050,000	0
12/12	0000505	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 505	331	13,750,000	0
13/12	0000515	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 515	331	13,200,000	0
14/12	0000522	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 522	331	16,500,000	0
15/12	0000525	0316537288	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÌNH NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 525	331	7,700,000	0
23/12	0000183	0402019988	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HƯNG BÌNH AN	Nhập hàng theo HĐ 183	331	10,564,000	0
27/12	502	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SƠN	Vận chuyển HĐ 502	331	65,590,990	0
30/12	778	0313082924	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HƯNG	Cước vận chuyển hàng HĐ 778	331	16,700,000	0
31/12	TH017			Trích lương,ăn ca vào phí	334	117,240,000	0
31/12	TH018			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
31/12	TH019			Trích KHTSCD vào phí	2422	56,952,837	0
31/12	TH019			Trích KHTSCD vào phí	2421	66,000,000	0
31/12	TH025			Thương 2023	334	46,000,000	0
31/12	KC-000007			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	549,885,021
				Tổng cộng phát sinh		960,438,398	960,438,398
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1,871,572,122	1,871,572,122
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
377-379 Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Quý 4 Năm 2023

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....					
.....					
31/12	TH017	Trích lương, ăn ca vào phí	334	42,550,000	0
31/12	TH017	Trích lương, ăn ca vào phí	334	117,240,000	0
31/12	TH018	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	901,796	0
31/12	TH018	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1,803,592	0
31/12	TH019	Trích KHTSCD vào phí	2141	28,916,193	0
31/12	TH019	Trích KHTSCD vào phí	2422	56,952,837	0
31/12	TH019	Trích KHTSCD vào phí	2421	66,000,000	0
31/12	TH025	Thưởng 2023	334	10,000,000	0
31/12	TH025	Thưởng 2023	334	46,000,000	0
31/12	KC-000007	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	549,885,021
31/12	KC-000008	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	54,353,592
31/12	KC-000009	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	150,000
31/12	KC-000010	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	1,595,053
31/12	KC-000011	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	28,916,193
31/12	KC-000012	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	20,836,845
		Tổng cộng phát sinh		1,208,169,919	1,208,169,919
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,626,661,470	2,626,661,470
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa Vân, giúp em hiểu và hình dung hơn phần nào công việc mà kế toán phải làm, hơn hết còn học hỏi thêm được nhiều điều, được sử dụng phần mềm để nhập liệu.

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Năm 2023

CT	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau
1	30/03/2022	Xe nâng để qua sử dụng	04/2022	18.055.556	36	13.541.663	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	501.543	7.523.147
2	31/09/2022	Ôp chữ nổi kê gạch HD 17	09/2022	9.500.000	24	7.916.668	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	395.833	3.166.672
3	12/11/2022	Đèn, camera cho showroom HD 92	11/2022	32.371.000	24	29.673.416	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	1.348.792	13.487.912
4	12/11/2022	Đèn, camera cho showroom HD 93	11/2022	3.525.000	24	3.231.250	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	146.875	1.468.750
5	01/09/2022	Kệ lùa lớn (5 cái) Đợt 1	08/2022	100.000.000	18	77.777.776	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	5.555.556	11.111.104
6	01/10/2022	Kệ kéo nhô (4 cái) đợt 2	09/2022	22.000.000	18	18.333.334	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	1.222.222	3.666.670
7	01/11/2022	Kệ chĩa A (3 cái) đợt 3	10/2022	75.000.000	18	62.499.999	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	4.166.667	12.499.995
8	01/12/2022	Kệ kéo nhô (5 cái) đợt 4	11/2022	27.500.000	18	22.916.666	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	1.527.778	4.583.330
9	01/12/2022	Kệ chĩa A (2 cái) đợt 4	11/2022	50.000.000	18	41.666.666	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	2.277.778	8.333.330
10	31/12/2022	Kệ lùa lớn (1 cái) Đợt 5	01/2023	20.000.000	18	20.000.000	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	1.111.111	6.666.668
11	29/12/2022	Máy chấm công HD 123	01/2023	17.560.000	24	17.560.000	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	731.667	8.779.996
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK642						315.117.438	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	81.287.574
TỔNG CỘNG						-	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	19.485.822	81.287.574

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc

Phụ lục số 2



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Bank for Investment and Development of VietNam JSC

Mẫu số/Sample No: CT001/KH

Ngày in/Prt Date: 07/11/2023 09:22:21

Chi nhánh/Branch: **HẢI VÂN**

Số: /BC 03a

SAO KÊ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày/From Date: 01/10/2023 Đến ngày/To date: 31/10/2023

Khách hàng / Customer: **CTY TNHH TM&DV HOA VAN**

Mã KH / Cif No: **14893639**

Tên tài khoản / Account Name: **CTY TNHH TM&DV HOA VAN**

Số tài khoản / Account No: **5601608825**

(Số tài khoản cũ / Old Account No: 56010001608825)

Địa chỉ: **377 379 NGUYEN PHUOC LAN HOA XUAN CAM LE / DA NANG**

Loại tiền tệ/ Currency: **VND**

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans.Date)	Ngày hiệu lực (EFD.Date)	Mã giao dịch (Trans.Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ SEQ No.	Mã GDV Teller ID	Mã CN Branch	Diễn giải (Txn. Description)	
Số dư đầu kỳ (Opening balance)						8,654,923.00					
1	01/10/2023 11:39:25	01/10/2023	DD	0.00	40,000,000.00	48,654,923.00	41	A42_CTL NH32	990	TKThe: 893989398, tại ACB, HOANG KHANG THANH TOAN-011023-11:39:24 141364 CTLNHID000005847369986-1/1-CRE-002	
2	03/10/2023 14:23:20	03/10/2023	DD	0.00	565,920,326.00	614,575,249.00	42	A29_IMA P03	990	REM 9901C1231003000049282 B/O CTY TNHH DA OP LAT NGOC DUNG F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM & DV HOA VAN DTLS- REF/2023100320100110006 45601203008 CTY NGOC DUNG THHO CTY HOA VAN SO HD: 1C23THV 307 Bank Charge .00 VAT .00	
3	03/10/2023 15:18:30	03/10/2023	DD	0.00	690,000,000.00	1,304,575,249.00	43	A29_IMA P09	990	REM 9901C1231003000059586 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS- REF/2023100320100110007 52901203607 MBBI/26007044442 IBPS CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00	
4	03/10/2023 17:13:56	03/10/2023	DW	1,319,182.00	0.00	1,303,256,067.00	44	A09_TF	560	DOKA-NG GI23BA3215 2651528 173781	
5	03/10/2023 17:17:54	03/10/2023	ZDWTRFOD	852,944,875.00	0.00	450,311,192.00	45	88352	560	Thu no 881288	
6	03/10/2023 17:20:45	03/10/2023	ZDWTRFOD	449,408,191.00	0.00	903,001.00	46	88352	560	Thu no 883008	
7	04/10/2023 13:45:48	04/10/2023	DD	0.00	300,000,000.00	300,903,001.00	47	A29_IMA P03	990	REM 9901C1231004000034851 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS- REF/2023100410100110006 01301203004 MBBI/26007067694 IBPS CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00	
8	04/10/2023 15:58:54	04/10/2023	ZDDC	0.00	350,000,000.00	650,903,001.00	48	152483	560	LY THI NGOC TRAM NT	
9	04/10/2023 16:59:16	04/10/2023	ZDWTRFOD	51,762,756.00	0.00	599,140,245.00	49	152483	560	Thu no TAT TOAN TK883008 GOC 50.591.809 LAI 1.179.947	
10	04/10/2023 17:03:48	04/10/2023	ZDWTRFOD	598,000,000.00	0.00	1,140,245.00	50	152483	560	Thu no GOC TK885934	

Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống in sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Trang /Page No 1 of 5

Phụ lục số 2

11	05/10/2023 09:30:27	05/10/2023	DD	0.00	44,000,000.00	45,140,245.00	51	A29_IMA P04	990	REM 9901C231009000077059 B/O CONG TY TNHH TUONG GIAO F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM & DV HOA VAN DTLS- REF/2023100920100110001 00401501001 TUONG GIAO CHUYEN TIEN GACH PHU TAI Bank Charge .00 VAT .00
12	05/10/2023 13:48:33	05/10/2023	DD	0.00	112,000,000.00	157,140,245.00	52	A29_IMA P03	990	REM 9901SP231005000044675 B/O CONG TY TNHH XD THUONG MAI AN NAM PHONG F/O-5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN DTLS- REF/422A23A071GJAM5F An nam phong dat coc tien hang Bank Charge .00 VAT .00
13	05/10/2023 16:46:52	05/10/2023	DW	43,288,904.00	0.00	113,851,341.00	53	A09_TF	560	DOKA-NG GI23BA4307 2656751 173781
14	06/10/2023 16:10:29	06/10/2023	DD	0.00	56,793,600.00	170,644,941.00	54	A42_CTL NH20	990	TKThe: 8799889999, tai MB. CTY GAMA TT TIEN CHO CTY HOA VAN CTLNHID000005904382519- 1/1-CRE-002
15	07/10/2023 09:35:00	07/10/2023	DD	0.00	451,314,346.00	621,959,287.00	55	A42_CTL NH36	990	TKThe: 800100888888, tai MB. Tu van Xay dung VKC Hoa Van Tam ung 50 phan tram hop dong gach o lat TT3B CTLNHID000005911060607- 1/1-CRE-002
16	09/10/2023 10:13:21	09/10/2023	DD	0.00	183,000,000.00	804,959,287.00	56	A29_IMA P04	990	REM 9901C231009000025802 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS- REF/2023100910100110007 55301203009 MBBIZ6007170317.IBPS.CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00
17	09/10/2023 13:37:23	09/10/2023	ZDWTTRFOD	402,006,243.00	0.00	402,953,044.00	57	88352	560	Thu no 885934
18	09/10/2023 13:39:18	09/10/2023	ZDWTTRFOD	398,002,301.00	0.00	4,950,743.00	58	88352	560	Thu no 887860
19	09/10/2023 14:00:36	09/10/2023	DDM	352,000.00	0.00	4,598,743.00	59	88362	560	REF560A23A0DMS81UBS B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CONG TY CP CONG NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NH48203001 CTY HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
20	09/10/2023 16:57:54	09/10/2023	DD	0.00	180,018,720.00	184,617,463.00	60	A29_IMA P08	990	REM 9901C231009000077059 B/O CONG TY TNHH TUONG GIAO F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM & DV HOA VAN DTLS- REF/2023100920100110001 00401501001 TUONG GIAO CHUYEN TIEN GACH PHU TAI Bank Charge .00 VAT .00
21	10/10/2023 13:44:06	10/10/2023	DW	80,000,000.00	0.00	104,617,463.00	61	88382	560	REF560A23A0F91AGMJ3 B/O 5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CTCP C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH01203001 HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
22	10/10/2023 13:44:06	10/10/2023	DDM	35,200.00	0.00	104,582,263.00	62	88382	560	REF560A23A0F91AGMJ3 B/O 5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CTCP C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH01203001 HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
23	10/10/2023 13:45:11	10/10/2023	ZDWCH	100,000,000.00	0.00	4,582,263.00	63	153661	560	LY THI NGOC TRAM RUT SEC SO HA 118422
24	11/10/2023 17:43:10	11/10/2023	ZDDL	0.00	50,062,000.00	54,644,263.00	64	157519	540	CTY TNHH YEN LOAN CT HANG
25	12/10/2023 10:21:07	12/10/2023	DW	50,000,000.00	0.00	4,644,263.00	65	88365	560	REF560A23A0JAZTK1GD B/O 5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CTCP C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH01203001 TT TIEN HANG

Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống In sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Trang /Page No 2 of 5

Phụ lục số 2

	12/10/2023 10:53:38	12/10/2023	DDM	22,000.00	0.00	4,622,263.00	66	88365	560	REF560A23A0JCA4YTKR B/O 5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH01203001 TT TIEN HANG
	12/10/2023 13:47:38	12/10/2023	DDM	22,000.00	0.00	4,600,263.00	67	88340	560	REF560A23A0JCA4YTKR B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NHH48203001 HOA VAN TT TIEN HANG
28	12/10/2023 13:47:38	12/10/2023	DD	0.00	60,000,000.00	64,600,263.00	68	A42_CTL NH2	990	TKThe : 893989398, tại ACB, HOANG KHANG THANH TOAN-121023-13:47:37 364117
29	16/10/2023 08:43:19	16/10/2023	DDM	55,000.00	0.00	64,545,263.00	69	A27_CHG COL3B	560	CTLNHID000005970084307-1/1-CRE-002 PHI B5M5 T09.2023. MA KH14893639.
30	16/10/2023 08:55:17	16/10/2023	DW	60,000,000.00	0.00	4,545,263.00	70	990EBAN K	560	REF560A23A0JTE8K092 B/O 5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH48203001 Hoa van thanh toan tien hang
31	16/10/2023 08:55:17	16/10/2023	DDM	22,000.00	0.00	4,523,263.00	71	990EBAN K	560	REF560A23A0JTE8K092 B/O 5601608825 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH48203001 Hoa van thanh toan tien hang
32	16/10/2023 12:04:56	16/10/2023	DD	0.00	100,000,000.00	104,523,263.00	72	A42_CTL NH29	990	TKThe : 893989398, tại ACB, HOANG KHANG THANH TOAN-161023-12:04:55 794416
33	17/10/2023 10:11:26	17/10/2023	DW	100,000,000.00	0.00	4,523,263.00	73	A42_CTL NH27	990	CTLNHID00000601300019-1/1-CRE-002 HBK-TKThe :0041000004097, tại Vietcombank, ND Hoa van thanh toan tien hang
34	17/10/2023 10:11:26	17/10/2023	DDM	22,000.00	0.00	4,501,263.00	74	A42_CTL NH28	560	CTLNHID000006023437869-1/2-PMT-002 HBK-TKThe :0041000004097, tại Vietcombank
35	19/10/2023 09:27:17	19/10/2023	DD	0.00	110,000,000.00	114,501,263.00	75	A29_IMA P09	990	REM 9901CI231019000015442 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS- REF/2023101910100110005 07901203009 MBBIZ60074111699,IBPS CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00
36	19/10/2023 14:59:53	19/10/2023	DDM	44,000.00	0.00	114,457,263.00	76	88340	560	REF560A23A0W5CJ1P10 B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CONG TY CO PHAN CONG NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NHH48203001 CTY HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
37	19/10/2023 16:20:15	19/10/2023	DD	0.00	104,328,000.00	218,785,263.00	77	A34_IBAN K	371	CTY TNHH HOA BINH Tra CT Hoa Van
38	19/10/2023 17:06:51	19/10/2023	ZDWTTRFOD	103,904,000.00	0.00	114,881,263.00	78	153661	560	TAT TOAN TK VAY 887860, GOC 102.000.000, LAI 1.904.000
39	19/10/2023 17:13:12	19/10/2023	ZDWTTRFOD	6,096,000.00	0.00	108,785,263.00	79	153661	560	TRA GOC TK VAY 404000212987
40	20/10/2023 09:53:07	20/10/2023	DD	0.00	35,000,000.00	143,785,263.00	80	A34_IBAN K	260	TT TIEN GACH OP LAT CT CHI CU KIEM DICH THU VAT VUNG 3 TEN DVH LA CTY TNHH TM&DV HOA VAN
41	20/10/2023 17:59:06	20/10/2023	DD	0.00	118,452,217.00	262,237,480.00	81	A34_IBAN K	620	CTY CP XD TRUNG NGUYEN
42	23/10/2023 08:54:05	23/10/2023	DD	0.00	100,000,000.00	362,237,480.00	82	A29_IMA P03	990	REM 9901CI231023000019497 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTLS- REF/2023102310100110006 03401203003 MBBIZ6007481613,IBPS CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00

Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống in sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Trang /Page No 3 of 5

Phụ lục số 2

43	23/10/2023 13:31:46	23/10/2023	ZDWTRFOD	320,000,000.00	0.00	42,237,480.00	83	153661	560	TRÁ GOC TK VAY 408000228036
44	23/10/2023 13:46:33	23/10/2023	DDM	88,000.00	0.00	42,149,480.00	84	88340	560	REF560A23A17BX6W91F B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CONG TY CP CONG NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NHH48203001 CONG TY HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
45	23/10/2023 13:46:33	23/10/2023	DDM	51,607.00	0.00	42,097,873.00	85	88340	560	REF560A23A17BX6W91F B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0291000279767 CONG TY TNHH MOT THANH VIEN LONG THO GIA LAI NHH64203001 CTY HOA VAN THANH TOAN TIEN HD 206 12/10/2023
46	23/10/2023 23:10:47	23/10/2023	ZALPDW	2,475,123.00	0.00	39,622,750.00	86		0	Trá no TK vay 404000212987, so tien 2475123 VND
47	23/10/2023 23:10:47	23/10/2023	ZALPDW	7,000,000.00	0.00	32,622,750.00	87		0	Trá no TK vay 408000228036, so tien 7000000 VND
48	23/10/2023 23:10:47	23/10/2023	ZALPDW	6,200,000.00	0.00	26,422,750.00	88		0	Trá no TK vay 402000258264, so tien 6200000 VND
49	23/10/2023 23:10:47	23/10/2023	ZALPDW	5,000,000.00	0.00	21,422,750.00	89		0	Trá no TK vay 405000291876, so tien 5000000 VND
50	23/10/2023 23:10:47	23/10/2023	ZALPDW	2,240,000.00	0.00	19,182,750.00	90		0	Trá no TK vay 405000338866, so tien 2240000 VND
51	23/10/2023 23:10:47	23/10/2023	ZALPDW	88,000.00	0.00	19,094,750.00	91		0	Trá no TK vay 408000359612, so tien 88000 VND
52	24/10/2023 15:26:09	24/10/2023	DD	0.00	150,000,000.00	169,094,750.00	92	A29_IMA P01	990	REM 9901CI231024000048984 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTL- REF/2023102410100110008 50301203006 MBBIZ6007525644.IBPS.CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00
53	24/10/2023 16:58:54	24/10/2023	ZDWTRFOD	2,956,344.00	0.00	166,138,406.00	93	152483	560	Thu no TAT TOAN TK85934 LAI 2.955.534
54	24/10/2023 17:00:18	24/10/2023	ZDWTRFOD	73,918,781.00	0.00	92,219,625.00	94	152483	560	Thu no TAT TOAN TK212987 GOC 73.904.000 LAI 14.781
55	24/10/2023 17:01:45	24/10/2023	ZDWTRFOD	76,096,000.00	0.00	16,123,625.00	95	152483	560	Thu no GOC TK228036
56	25/10/2023 00:49:54	25/10/2023	IIPD	0.00	18,028.00	16,141,653.00	96		0	Thanh toán lại tháng 10/2023
57	25/10/2023 15:36:10	25/10/2023	DD	0.00	80,000,000.00	96,141,653.00	97	A42_CTL NH9	990	TKThe :893989398, tại ACB. HOANG KHANG THANH TOAN-251023-15:36:09 227739 CTLNHD1000006114075254- 1/3-CRE-002
58	25/10/2023 16:49:54	25/10/2023	DD	0.00	505,000,000.00	601,141,653.00	98	A29_IMA P06	990	REM 9901CI231025000062757 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTL- REF/2023102520100110010 54101203003 MBBIZ6007556370.IBPS.CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00
59	25/10/2023 17:02:51	25/10/2023	ZDWTRFOD	600,000,000.00	0.00	1,141,653.00	99	153661	560	TRÁ GOC TK VAY 408000228036
60	26/10/2023 10:04:12	26/10/2023	DD	0.00	1,000,000.00	2,141,653.00	100	A29_IMA P03	990	REM 9901CI231026000017115 B/O CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN F/O-5601608825 CONG TY TNHH TM VA DV HOA VAN DTL- REF/2023102610100110004 99801203002 MBBIZ6007569176.IBPS.CON G TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien Bank Charge .00 VAT .00
61	26/10/2023 10:17:47	26/10/2023	DDM	308,000.00	0.00	1,833,653.00	101	88340	560	REF560A23A17BX6W91F B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN F/O 0041000004097 CN CONG TY CP CONG NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DA NANG NHH48203001 CONG TY HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG

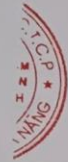
Chú: Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống in sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Trang /Page No 4 of 5

Phụ lục số 2

63	30/10/2023	30/10/2023	DD	0.00	92,256,059.00	94,089,712.00	102	A42_CTL NH20	990	TKThe :5900370348, tại MB. Trung Nguyen Hoa van - CTLNHIDI000006144859234- 1/1-CRE-002
64	31/10/2023 08:40:28	31/10/2023	DD	0.00	81,250,000.00	175,339,712.00	103	A42_CTL NH1	990	TKThe :893989398, tại ACB. HOANG KHANG THANH TOAN-301023-16:27:30 590847 - CTLNHIDI000006166338733- 1/1-CRE-002
65	31/10/2023 17:31:05	31/10/2023	DD	0.00	22,453,148.00	197,792,860.00	104	A23_B2B 11	990	TKThe :2001201098703, tại VBAAVNVX, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ L.T.M - B2B02009704051031084028 2023K7MN061850
			ZDWTRFOD	195,000,000.00	0.00	2,792,860.00	105	88352	560	Thu no 228036
Cộng phát sinh (Total Amount)				4,588,728,507.00	4,582,866,444.00					
Số dư cuối kỳ (Closing balance)						2,792,860.00				

Người tạo: 88352



DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 133/2016/TT-BTC
- Khóa luận tốt nghiệp tại thư viện trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Sổ sách, chứng từ kế toán của công ty TNHH TM và DV Hoa Vân
- Website thư viện pháp luật: <https://thuvienphapluat.vn/>

